

Số : 1901 /TB-VHTC

Hà Tu, ngày 08 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói dịch vụ: Trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127

Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin mời nhà cung cấp tham gia gói dịch vụ: Trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127.

Kính mời Quý nhà cung cấp có khả năng thực hiện gói dịch vụ tham gia.

Thông tin chi tiết về gói dịch vụ:

1. Tên gói dịch vụ:

- Trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 70 ngày (Không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và Chủ nhật).

2. Các thông tin khác: Quy định cụ thể trong nội dung Hồ sơ yêu cầu.

3. Thời gian và địa điểm phát hành Hồ sơ yêu cầu:

- Thời gian phát hành: 14 giờ 00 phút, ngày ~~08~~ tháng ~~6~~ năm 2026 đến trước 14 giờ 00 phút ngày ~~15~~ tháng ~~6~~ năm 2026. (Trong giờ hành chính).
- Giá bán Hồ sơ yêu cầu: Miễn phí.
- Địa điểm phát hành: Phòng Kế hoạch Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.
- Địa chỉ: Tổ 6, khu phố Hà Tu 3, phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời gian nộp Hồ sơ đề xuất: Trước 14 giờ 00 ngày ~~15~~ tháng ~~6~~ năm 2026 tại Phòng Kế hoạch Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

5. Thời điểm đóng Hồ sơ đề xuất: 14 giờ 00 ngày ~~15~~ tháng ~~6~~ năm 2026.

6. Thời điểm mở Hồ sơ đề xuất: Từ 14 giờ 30 ngày ~~15~~ tháng ~~6~~ năm 2026. (Trong vòng 2 giờ kể từ khi kết thúc thời gian nộp Hồ sơ đề xuất).

Công ty Cổ phần than Hà Tu-Vinacomin kính mời đại diện các nhà cung cấp có khả năng thực hiện gói cung cấp dịch vụ nêu trên tham gia nộp hồ sơ đề xuất vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TKV (e-copy);
- P.CV (để đăng Website Cty, e-copy);
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
—————o0o—————

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH SỬA CHỮA THIẾT BỊ

Tên thiết bị: Xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127

Số thẻ TSCĐ: 10572.

Thuộc kế hoạch: Sửa chữa TSCĐ là thiết bị năm 2026.


Đơn vị: Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1901 /TB - VHTC ngày 08 / 6 /2026)

CÁC THÀNH VIÊN
TỔ CHUYÊN GIA

1. Ông: Nguyễn Trọng Hiếu.....
2. Ông: Vũ Xuân Luận.....
3. Bà: Vũ Phương Thảo.....
4. Ông: Lam Văn Hùng.....
5. Ông: Nguyễn Xuân Thoại.....
6. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thủy.....
7. Bà: Phạm Thị Lan Hương.....

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Tuấn

Tháng năm 2026

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời cung cấp dịch vụ	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
Kế hoạch	Là Kế hoạch Sửa chữa tài sản cố định năm 2026 của bên mời cung cấp dịch vụ ban hành theo Công văn số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 658/QĐ-VHTC ngày 27/02/2026 về việc ban hành phương án điều hành SXKD năm 2026.
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng.
HSYC	Hồ sơ yêu cầu.
HSDX	Hồ sơ đề xuất.
Luật Dân sự	Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật nhà ở, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15.
Nghị định 24/CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.
VND	Đồng Việt Nam.

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Mục 1. Phạm vi gói dịch vụ.

1. Bên mời cung cấp dịch vụ: Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin mời Nhà cung cấp dịch vụ tham gia chào hàng cạnh tranh gói dịch vụ được mô tả tại Chương II - Yêu cầu đối với gói dịch vụ.

- Tên gói dịch vụ: Trung tu Xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127.

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2026.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 70 ngày (không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định và chủ nhật).

Mục 2. Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ là hành vi quy định tại Điều 16, Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp dịch vụ là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trạng thiết bị.

1. Làm rõ HSYC.

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, Nhà cung cấp dịch vụ phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời cung cấp dịch vụ muộn nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hành HSYC. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của Nhà cung cấp dịch vụ, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp dịch vụ có yêu cầu làm rõ và tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời cung cấp dịch vụ, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà cung cấp dịch vụ đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời cung cấp dịch vụ tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC.

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng HSDX, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì Bên mời cung cấp dịch vụ phải gia hạn thời điểm đóng HSDX tương ứng.

Nhằm giúp Nhà cung cấp dịch vụ có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể gia hạn thời điểm đóng HSDX quy định tại khoản 1 Mục 11, Chương I - Chỉ dẫn

Nhà cung cấp dịch vụ bằng việc sửa đổi HSYC.

3. Khảo sát hiện trạng thiết bị.

Nhà cung cấp dịch vụ được phép khảo sát hiện trạng thiết bị để phục vụ việc lập HSYC. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do Nhà cung cấp dịch vụ tự chi trả. Nhà cung cấp dịch vụ cần liên hệ trước với Bên mời cung cấp dịch vụ để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng.

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là Việt nam đồng (VNĐ).
3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Bên mời cung cấp dịch vụ và Nhà cung cấp dịch vụ phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu, catalog kỹ thuật bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX.

HSDX do Nhà cung cấp dịch vụ chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số HS02-2;
2. Bản cam kết thực hiện gói dịch vụ theo Mẫu số HS02-7;
3. Bảo lãnh tham dự gói cung cấp theo mẫu HS02-4 bảo lãnh tham dự gói cung cấp.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của Nhà cung cấp dịch vụ và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp dịch vụ.
5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số HS02-5;
6. Các nội dung khác.

Mục 7. Giá chào và giảm giá.

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói dịch vụ (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số HS02-5.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp dịch vụ không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp dịch vụ đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói dịch vụ, Nhà cung cấp dịch vụ phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giám giá. Thư giám giá sẽ được Bên mời cung cấp dịch vụ bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ; trường hợp thư giám giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở HSDX thì không có giá trị.

4. Giá chào của Nhà cung cấp dịch vụ phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX.

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng HSDX, HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể đề nghị các Nhà cung cấp dịch vụ gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu Nhà cung cấp dịch vụ không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này Nhà cung cấp dịch vụ được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp dịch vụ chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm tham dự gói dịch vụ:

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp trước thời điểm đóng HSDX theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh tham dự gói dịch vụ.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm tham dự gói dịch vụ.

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm tham dự gói dịch vụ: 71.434.495 đồng.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói dịch vụ: 60 ngày (kể từ ngày có thời điểm đóng HSDX cộng thêm 30 ngày).

3. Bảo đảm tham dự gói dịch vụ được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời cung cấp dịch vụ (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời cung cấp dịch vụ, chủ đầu tư.

4. Việc hoàn trả, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm tham dự gói dịch vụ thực hiện theo quy định nêu tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 14 Luật đấu thầu và Khoản 7, Khoản 8, Điều 43 Nghị định 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 10. Quy cách HSDX.

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDX, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX trong thời gian cho phép của gói dịch vụ thì Nhà cung cấp dịch vụ phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của Nhà cung cấp dịch vụ phải được niêm phong và ghi rõ tên gói dịch vụ, tên Nhà cung cấp dịch vụ, tên Bên

mời cung cấp dịch vụ. Bên mời cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ.

3. Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX.

1. Nhà cung cấp dịch vụ nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời cung cấp dịch vụ nhưng phải đảm bảo Bên mời cung cấp dịch vụ nhận được trước thời điểm đóng HSDX là 14 giờ 00 ngày tháng năm 2026.

2. Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX trước thời điểm đóng HSDX, kể cả trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ Bên mời cung cấp dịch vụ. Trường hợp chưa mua HSYC thì Nhà cung cấp dịch vụ phải trả cho Bên mời cung cấp dịch vụ một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX sau thời điểm đóng HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho Nhà cung cấp dịch vụ.

3. Sau khi nộp, Nhà cung cấp dịch vụ có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ đến Bên mời cung cấp dịch vụ trước thời điểm đóng HSDX.

Trước thời điểm đóng HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho Bên mời cung cấp dịch vụ với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.

Mục 12. Mở HSDX.

1. Bên mời cung cấp dịch vụ tiến hành mở công khai HSDX của các Nhà cung cấp dịch vụ vào lúc 14 giờ 30 ngày tháng năm 2026 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin trước sự chứng kiến của các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự lễ mở HSDX. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự vắng mặt của đại diện Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng.

2. Việc mở HSDX được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của Nhà cung cấp dịch vụ và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà cung cấp dịch vụ, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm tham dự gói cung cấp, thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp và các thông tin khác mà Bên mời cung cấp dịch vụ thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc

trong lễ mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời cung cấp dịch vụ phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói dịch vụ. Bên mời cung cấp dịch vụ không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở HSDX, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng HSDX.

3. Bên mời cung cấp dịch vụ phải lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở HSDX phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời cung cấp dịch vụ và các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự lễ mở HSDX. Việc thiếu chữ ký của Nhà cung cấp dịch vụ trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDX sẽ được gửi cho tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự gói cung cấp.

Mục 13. Làm rõ HSDX.

1. Sau khi mở HSDX, Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ.

2. Nhà cung cấp dịch vụ được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến Bên mời cung cấp dịch vụ trước 3 ngày làm việc kể từ sau ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Bên mời cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp dịch vụ để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp dịch vụ, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng.

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp dịch vụ có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX; HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà cung cấp dịch vụ; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà cung cấp dịch vụ đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với Bảng tiên lượng thì Bên mời cung cấp dịch vụ yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời cung cấp dịch vụ có quyền xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với Bảng tiên lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ hoặc đơn giá của Nhà cung cấp dịch vụ khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói dịch vụ;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá tham dự gói cung cấp thấp nhất trong số các HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu về kỹ

thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà cung cấp dịch vụ này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do Nhà cung cấp dịch vụ phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói dịch vụ;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia tiến hành thương thảo để hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và thống nhất các điều kiện như giảm giá, các điều kiện khác còn thiếu trong HSYC,... Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời cung cấp dịch vụ báo cáo chủ đầu tư /người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời Nhà cung cấp dịch vụ xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn.

Nhà cung cấp dịch vụ được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Có sai lệch không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá dịch vụ đề xuất không vượt dự toán gói dịch vụ được chủ đầu tư/người có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

1. Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ, nếu Nhà cung cấp dịch vụ không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp dịch vụ.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng.

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói dịch vụ. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp dịch vụ, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói dịch vụ thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế Nhà cung cấp dịch vụ không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong

HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp dịch vụ. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ và mời Nhà cung cấp dịch vụ xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư, người có thẩm quyền phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói dịch vụ theo đúng tiến độ.

Mục 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải cung cấp 01 bản bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng/chi nhánh ngân hàng được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 8 Dự thảo hợp đồng (Mẫu số HS02-8) ban hành kèm HSYC này. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số HS02-9 hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp dịch vụ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 19. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

1. Nhà cung cấp dịch vụ có quyền kiến nghị (bằng văn bản) về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, Bên mời cung cấp dịch vụ phải mời Nhà cung cấp dịch vụ đến làm việc để giải đáp hoặc đàm phán các nội dung kiến nghị.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: Phòng Kế hoạch Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố Hà Tu 3, Phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033 835 169; Số fax: 02033 836 120.

Chương II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI DỊCH VỤ

Mục 1. Giới thiệu về gói dịch vụ.

Bên mời cung cấp dịch vụ giới thiệu các thông tin cơ bản như sau:

- Thông tin về tài sản:

TT	Trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127	Thông tin về thiết bị
-	Tên đăng ký theo sổ kế toán	Xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127.
-	Kiểu	Xe tải ben tự đổ khung cứng
-	Ngày sử dụng	19/4/2021
-	Lần trung tu:	Vào trung tu lần 1
-	Giờ hoạt động sau lần trung tu:	28.105 giờ.

a. Mô tả tình trạng kỹ thuật của thiết bị;

-Xe đang hoạt động, nhưng tình trạng kỹ thuật của xe hoạt động không ổn định

-Xe hoạt động đến định ngạch vào trung tu lần 1 ($T1 = 15.000 \div 20.000$ giờ) theo chu kỳ trung tu.

(1) Phần động cơ:

-Động cơ hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng máy yếu, khói).

-Hệ thống môi ghép: Gioăng phốt lão hóa (rỉ dầu, nước)

-Hệ thống ống dầu: Lão hóa, dạn nứt.

(2) Phần hộp số:

* *Biến mô:*

-Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng khớp nhập chậm, khi vào số dật)

* *Hộp số:*

-Hệ thống cao su chân hộp số: Lão hóa, dơ

-Hệ thống môi ghép: Gioăng phốt lão hóa (Hiện tượng rỉ dầu)

(3) Phần gầm:

-Hệ thống xy lanh ben: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng rỉ dầu)

-Hệ thống các đăng: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng dơ bi gần trục)

-Hệ thống giảm xóc trước + Sau: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng chảy dầu)

-Hệ thống may ơ trước + sau: Hoạt động nhiều giờ, gioăng phốt lão hóa (Hiện tượng chảy dầu, Lá gôm mòn)

-Hệ thống cụm Pont: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng gấn gì)

-Hệ thống giằng cầu+giằng pont: Mòn lỏng, dơ lắ

-Hệ thống càn A: Mòn rộng loét ổ bi chao, dơ

- Hệ thống bảo hiểm gầm động cơ+hộp số: Han, mọt gãy.

(4) Phần ca bin, vỏ xe:

*Phần Ca bin: -Hệ thống cánh cửa: Các loại gioăng lão hóa, biến cứng

-Hệ thống khóa cách cửa, nâng hạ kính: Mòn dơ

-Ghế lái: Đệm ghế sờn rách

*Phần toa xe: -Mặt trước thành toa mòn, lõm. Các dầm đáy toa cong vênh, nứt

-Đệm toa: Mòn, vỡ. Cản đệm toa han mọt.

*Hệ thống lan can + sàn sạp ca bin: Han, mọt gãy, cong vênh

(5) Phần điện:

*Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa

-Hệ thống đèn chiếu sáng+tín hiệu: Cũ, ố mờ

-Hệ thống dây điện: Cũ, lão hóa, biến cứng.

-Hệ thống cảm biến: Chập chờn, các đầu giắc biến cứng dạn nứt.

(6) Phần hệ thống điều hòa:

-Làm việc không ổn định

(7) Phần hệ thống phanh, lái:

*Hệ thống phanh: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng phanh ăn chậm, bơm ben lái yếu)

*Hệ thống lái: Hoạt động nhiều giờ đến chu kỳ sửa chữa (Hiện tượng lái nặng)

1.3 Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị sau khi sửa chữa:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
I.	Về phạm vi thực hiện	
1	Trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng Komatsu Model HD785-7 số 127	Đảm bảo các thông số yêu cầu kỹ thuật .
2	Cung cấp vật tư, thiết bị	- Cung cấp vật tư , thiết bị theo đúng chủng loại để phục vụ lắp đặt được với xe ô tô tự đổ khung cứng Komatsu Model HD785-7. - Vật tư, thiết bị được sản xuất chế tạo trong nước hoặc nhập khẩu mới 100%. -Vật tư phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng nguyên thủy theo đúng thiết kế của xe.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
		<p>- Các cụm, chi tiết vật tư mới được thay thế là hàng trong nước sản xuất hoặc nhập khẩu mới thì phải thể hiện rõ ràng trong dự toán + quyết toán. Đối với vật tư nhập khẩu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, và phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (C/O) và chất lượng vật tư (C/Q).</p> <p>- Những cụm chi tiết vật tư mới được thay thế trước khi lắp ghép lên thiết bị phải được thông báo cho hội đồng kiểm nhập, kiểm tra của bên A đến kiểm tra đảm bảo yêu cầu có biên bản làm việc mới được tổ chức lắp ghép</p>
II	Về đặc tính kỹ thuật:	
1-	Phần động cơ:	<p>- Động cơ dễ khởi động, ổn định ở mọi chế độ làm việc, phát huy công suất tốt. Khi khởi động không có tiếng kêu khác thường, không có hiện tượng chảy dầu, chảy nước.</p> <p>-Áp lực dầu bôi trơn ở chế độ 80⁰C: 1,5÷ 5,1kg/cm².</p> <p>- Nhiệt độ nước làm mát ổn định 80 ÷ 90⁰C.</p> <p>-Tốc độ vòng tua: 700 ÷ 1950 v/p</p> <p>- Áp suất dầu nhiên liệu (áp suất nhỏ nhất đầu vào bơm cao áp): ≥ 1,5 kg/cm².</p> <p>- Áp suất dầu nhiên liệu (sau bơm vào thanh rail): 1.120 ÷ 1.480 kg/cm²</p> <p>- Áp suất khí nạp: 1,0 ÷ 2,5 kg/cm²</p> <p>- Các mối ghép không có hiện tượng rò rỉ dầu nước</p>
2-	Hộp số +biến mô	<p>Biến mô làm việc ổn định, đóng – cắt dứt khoát. Hộp số hoạt động êm ái, không phát sinh tiếng kêu bất thường; không có hiện tượng quá nhiệt, lý số hoặc giật khi vào số. Áp suất dầu điều khiển đi số và áp suất dầu bôi trơn ổn định. Quá trình chuyển số và ngắt số diễn ra nhẹ nhàng, dứt khoát, không xuất hiện hiện tượng ghi, kẹt hoặc dính số. Thời gian nhập số đo được trong khoảng 0,2 ÷ 0,3 giây, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>-Áp lực đầu vào biến mô: 8 ÷ 9 kg/cm²</p> <p>-Áp lực đầu ra biến mô: 5,4 kg/cm²</p> <p>-Áp lực dầu bôi trơn biến mô: 1,2 ÷ 2,0 kg/cm²</p> <p>-Áp lực dầu hộp số thấp : 34 ÷ 38 kg/cm²</p> <p>-Áp lực dầu bôi trơn hộp số: 1÷ 3 kg/cm²</p>
3-	Các đăng	<p>- Truyền động làm việc êm, không rung giật.</p> <p>- Các mối ghép bu lông chặt và đầy đủ các phanh hãm.</p> <p>- Hệ thống bảo hiểm các đăng đảm bảo chắc chắn, phát huy tác dụng, đúng theo thiết kế.</p>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
4-	Cầu chủ động	-Thực hiện tốt chức năng giảm tốc để tăng lực kéo tại bánh xe chủ động. Bộ vi sai làm việc hợp lý khi xe vận hành trên đường không bằng phẳng và khi quay vòng; quá trình truyền lực ổn định, không phát sinh tiếng kêu, không ghi, không nóng.
		-Diện tích tiếp xúc trên bề mặt răng của các cặp bánh răng ăn khớp đạt $\geq 80\%$ diện tích bề mặt răng.
		Bộ giảm tốc hành tinh: Khe hở ăn khớp giữa bánh răng bán trục và bánh răng vệ tinh $\leq 0,6$ mm; khe hở tiếp xúc giữa vành răng ngoài và bánh răng giảm tốc $\leq 0,8$ mm, đảm bảo truyền động trơn, nhẹ ở cả hai chiều tiến và lùi.
		Cặp bánh răng quả dứa – vành chậu: Khe hở tiếp xúc $\leq 0,5$ mm.
		+ Quá trình truyền lực ổn định, không ồn, nóng. + Các mối ghép kín không rò rỉ dầu.
5-	Hệ thống lái, ben	
a	Hệ lái	- Hệ thống lái điều khiển nhẹ nhàng, làm việc ổn định, không rung giật, không rò rỉ dầu
		- Cơ cấu truyền động lái không rơ, lắc (hành trình tự do của vô lăng tay lái: 120mm). + Khi động cơ làm việc ở chế độ 2000v/p lái sang trái, sang phải: Áp suất lái 217 ± 4 kg/cm ²
b	Hệ ben	Hoạt động tốt trong các trường hợp:
		-Nâng, hạ dừng toa và trung hòa ở vị trí bất kỳ -Áp suất khi nâng ben (AS cao): 163–204 kg/cm ² -Thời gian nâng hết ben trong khoảng 20 ÷ 25 giây, quá trình nâng êm, liên tục, không giật rung, không rò rỉ dầu, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
6-	Hệ thống phanh	Đảm bảo phanh nhạy, hiệu lực hãm cao và không có hiện tượng bó nóng ở tất cả các bánh xe:
a	Phanh tay	- Khi đóng van, dừng xe trên quãng đường có độ dốc 5 đến 8° đảm bảo xe không bị trôi.
		Các van, bình chứa và đường ống dẫn không có hiện rò rỉ dầu hoặc khí.
b	Phanh chân	Hệ thống phanh làm việc nhạy, hiệu lực hãm cao, không xuất hiện hiện tượng bó nóng tại các bánh xe.
		Không có hiện tượng tiêu dầu qua các van điều khiển và đường ống dẫn Nhiệt độ dầu phanh trong quá trình hoạt động nằm trong giới hạn cho phép 70 ÷ 90°C).

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
		Độ không phẳng các đĩa phanh trong giới hạn cho phép $\leq 0,1$ mm. Các cụm tổng phanh, van chia, bình chứa và đường ống dẫn kín khí, không rò rỉ dầu và khí.
7-	Hệ thống treo	
a	Giảm xóc	- Đảm bảo cự ly đàn hồi và hành trình làm việc theo thiết kế, đáp ứng yêu cầu giảm chấn cho xe trong mọi điều kiện vận hành. - Các mối ghép và các van đảm bảo kín khí, không phát hiện rò rỉ dầu và khí..
b	Cơ cấu giằng cầu	- Các thanh giằng, trục, ổ bi chao tự lựa lắp đặt đầy đủ, chắc chắn, đảm bảo kích thước đúng theo kích thước nguyên bản của xe. - Hệ thống bạc, ốc lỗ bi, suppo đảm bảo độ bền, chắc, đúng kích thước nguyên thủy của xe.
8-	Phần điện	-Hệ thống điện được lắp đặt đúng theo sơ đồ nguyên thủy thiết kế của xe -Các hệ thống đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng, điều hòa không khí và các đồng hồ chỉ thị hoạt động ổn định, chính xác, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật khi vận hành.
a	Hệ thống dây điện	-Các bó dây được bọc bảo vệ, cố định chắc chắn và lồng trong ống bảo vệ theo kết cấu khung xe; nguồn cấp cho các phụ tải được đấu nối qua cầu chì bảo vệ và ổ khóa.
b	Hệ thống nạp và khởi động	-Khi động cơ làm việc trong dải tốc độ $650 \div 2.280$ v/ph, điện áp nạp đo được khoảng 27,5 V. -Điện áp hệ thống nguồn đảm bảo, điện áp khi khởi động ≥ 22 V; thời gian khởi động ≤ 7 giây.
c	Hệ thống đồng hồ chỉ thị	-Khi chưa đóng điện, kim đồng hồ ở vị trí dưới vạch số 0; khi đóng điện, kim dịch chuyển về vị trí vạch số 0.
9-	Hệ thống điều hòa	Hoạt động ổn định, khả năng làm mát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành xe.
10-	Phần khung vỏ xe	
a	Khung xe	-Khung xe đảm bảo độ cứng vững, khi vận hành không rung lắc. - Không có tiếng kêu, ồn bất thường. - Toàn bộ các gối đỡ lắp trục giằng cầu, giằng lái và giảm xóc đều được sửa chữa bằng phương pháp hàn, khoét lỗ và gia công ép bạc mới đảm bảo kích thước nguyên thủy. - Các mối hàn gia cố đảm bảo liên kết chắc chắn, ngấu, không ngậm xỉ, rỉ và nứt. - Khung xe được vệ sinh sạch sẽ, sơn theo màu sơn nguyên thủy.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
b	<i>Ca bin, Ca bô</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa phục hồi đảm bảo kích thước, hình dáng nguyên thủy theo nhà sản xuất - Bề mặt vỏ xe cứng vững, độ phẳng đảm bảo, hình dạng kích thước đúng theo hình dạng kích thước ban đầu của xe. - Các mối ghép đảm bảo độ bền cơ học. Khung kính, khung cửa đảm bảo độ kín khít và độ ổn định trong quá trình vận hành xe. - Hệ thống kính quan sát, gương chiếu hậu đầy đủ không bị dạn nứt. - Các thiết bị: Khóa cửa, khóa nâng kính, hệ thống gạt mưa đảm bảo chức năng hoạt động tốt, trang trí nội thất đầy đủ, ca bin sạch sẽ, thông thoáng. - Sơn ca bin thực hiện đúng theo quy trình đúng màu nguyên thủy của xe không có hiện tượng loang, bong tróc.
c	<i>Toa xe</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các vị trí bẹp, bục, rách, han mọt đã được sửa chữa, hàn gia cố hoặc thay thế, đảm bảo hình dạng, kích thước nguyên thủy và độ cứng vững của toa xe. - Các gối toa được thay mới bạc lót, đảm bảo kích thước lắp ghép. -Toa xe được vệ sinh sạch sẽ và sơn theo đúng màu nguyên thủy của xe.
11	Tổng quan	Xe sau trung tu phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, an toàn, chất lượng, mỹ thuật, màu sơn theo đúng thiết kế nguyên bản của xe.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ.

Nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa hoàn thành trung tu xe ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127 trong vòng 70 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị (Không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và ngày Chủ nhật).

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật.

1. Quy định phương thức nghiệm thu vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa:

- Cung cấp vật tư thay thế, sửa chữa phục hồi đúng chủng loại theo yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ. Đối với các vật tư yêu cầu thay mới hàng chính hãng (KOM) nhà cung cấp phải chào đáp ứng đúng danh mục hàng chính hãng. Đối với các vật tư thay mới không yêu cầu hàng chính hãng nhà cung cấp có thể đề xuất các danh điểm tương đương nhưng các vật tư phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng để lắp ghép cho từng chủng loại của thiết bị.

- Vật tư, thiết bị mới được thay thế hàng trong nước sản xuất hoặc nhập khẩu mới theo Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh/Hồ sơ đề xuất. Đối với vật tư nhập khẩu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, và phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (C/O) và chất lượng vật tư (C/Q).

- Những chi tiết vật tư mới được thay thế trước khi lắp ghép lên thiết bị phải được thông báo cho Tổ giám định kỹ thuật của Bên mời Nhà cung cấp dịch vụ đến kiểm tra đảm bảo yêu cầu mới được tổ chức lắp ghép.

- Nhà cung cấp dịch vụ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ vật tư phục vụ công tác sửa chữa thiết bị.

2. Quy định chế độ nghiệm thu các cụm, hệ thống; nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải và nghiệm thu bàn giao thiết bị sau khi hoàn thành (phương pháp kiểm tra, đánh giá; yêu cầu chất lượng hoặc/và các chỉ tiêu thông số kỹ thuật vận hành đạt yêu cầu).

- Các chi tiết, cụm chi tiết sau khi phục hồi sửa chữa, Nhà cung cấp dịch vụ phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu có Biên bản xác định trạng thái kỹ thuật, các thông số chủ yếu theo quy định. Ghi rõ thông số đạt được. Chỉ được lắp các tổ hợp các chi tiết, các cụm đã được sửa chữa đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật. Có trách nhiệm tổ chức Nghiệm thu các cụm/tổng thành trước khi lắp lên thiết bị (đối với những cụm, tổng thành có thể hoạt động riêng biệt)

- Sau khi thiết bị sửa chữa xong Nhà cung cấp dịch vụ thông báo cho Bên mời cung cấp dịch vụ trước 3 ngày để làm các bước nghiệm thu; Lập các biên bản nghiệm thu theo quy định, biên bản nghiệm thu không tải, có tải, kết quả đạt được ghi trong biên bản đạt tiêu chuẩn vận hành của nhà sản xuất quy định.

- Nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra, nhà cung cấp dịch vụ còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

3. Quy định thời hạn bảo hành và cách thức thực hiện chế độ bảo hành khi xảy ra sai sót sau khi thiết bị sửa chữa xong đưa vào hoạt động:

- Thiết bị được bảo hành 6 tháng hoặc 2.000 giờ (Tùy theo điều kiện nào đến trước) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị sau trung tu. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo hành thiết bị sau khi bàn giao cho Bên mời cung cấp dịch vụ. Nội dung bảo hành gồm khắc phục, sửa chữa những khiếm khuyết, hư hỏng, khi thiết bị vận hành, sử dụng bình thường không do lỗi của nhà cung cấp dịch vụ gây ra.

- Trong thời gian bảo hành, bên B có trách nhiệm theo dõi và sửa chữa miễn phí những sự cố hư hỏng thuộc phạm vi và nội dung bảo hành ngay sau khi nhận được thông báo của bên A.

- Thời gian sửa chữa bảo hành được xác định bằng biên bản giám định kỹ thuật giữa hai bên theo từng nội dung. Tổng thời gian sửa chữa bảo hành thiết bị không quá 05 ngày (15 ca).

- Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị gặp sự cố phải sửa chữa, phòng CV và đơn vị quản lý thiết bị bên A cùng bên B tiến hành lập biên bản sửa chữa. Kết thúc thời gian bảo hành phòng CV tổng hợp xác nhận số lần sửa chữa, chất lượng sửa chữa và thời gian bảo hành (có biên bản) gửi về phòng KH làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian bảo hành, bên B phải có nghĩa vụ phối hợp cùng bên A lập biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành. Trường hợp trong thời gian trên, bên B không phối hợp hoặc không có văn bản yêu cầu bên A lập biên bản bảo hành (kết thúc bảo hành/thực hiện nghĩa vụ bảo hành) thì bên A có quyền từ chối thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (trừ trường hợp do lỗi của bên A).

- Bên B bị phạt do chậm thực hiện công tác bảo hành trong các trường hợp sau:

+ Quá 24 giờ mà bên B không có mặt tại bên A kể từ thời điểm bên B nhận được yêu cầu (bằng văn bản/điện thoại) bảo hành của bên A.

+ Thực hiện tổng thời gian sửa chữa bảo hành quá 05 ngày (15 ca) đối với thiết bị sau trung tu.

Giá trị phạt do chậm thực hiện việc bảo hành là 2.348.000 đồng/ca nhưng không quá 07 ngày (21 ca).

- Trường hợp chậm quá 07 ngày (21 ca) được hiểu là bên B không thực hiện công tác bảo hành thì bên A sẽ lập biên bản ghi rõ tình trạng hư hỏng, phương án sửa chữa và tổ chức tự sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác sửa chữa. Bên B phải bồi hoàn cho bên A toàn bộ chi phí này.

- Nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra, Nhà cung cấp dịch vụ còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

Mục 4. Bảng tiên lượng khối lượng.

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
CỤM ĐỘNG CƠ							
Cụm Quy lát							
1	Mặt qui lát động cơ	6219-11-1100	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		12	
2	Xi e hút	6216-11-1330	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	24		
3	Xi e xả	6217-11-1321	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	24		
4	Su páp xả	6215-41-4220	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	24		
5	Su páp hút	6217-41-4110	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	24		
6	Cá hãm su páp	6136-41-4520	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	96		
7	Áo nước quy lát	6162-13-1150	Cái	Thay mới	156		
Cụm tăng áp							
1	Tăng áp trái	6505-67-5040	Cụm	Thay mới	1		
2	Tăng áp phải	6505-67-5030	Cụm	Thay mới	1		
Ống xả							
1	Ống xả trước phải (sau trái) 6215-11-5131	6215-11-5130	Cái	Thay mới	2		
2	Ống xả giữa bên phải (6215-11-5172)	6215-11-5171	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
3	Ống xả giữa bên trái (96215-11-5182)	6215-11-5181	Cái	Thay mới	1		
4	Ống xả sau phải (trước trái) (6215-11-5111)	6215-11-5110	Cái	Thay mới	2		
5	Bu lông ống xả	01010-E1095	Cái	Thay mới	48		
6	Gu đồng ống xả	6151-11-8550	Cái	Thay mới	4		
	Bộ hơi						
1	Xéc măng	6261-31-2030	Bộ	Thay mới hàng chính hãng Kom	12		
2	Xy lanh động cơ	6211-22-2220	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	12		
3	Phanh ác pis tông	04065-05220	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	24		
	Bơm dầu động cơ						
1	Bơm dầu động cơ	6219-51-1000	Cụm	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
	Tay biên		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Bạc cổ biên	6215-31-3060	Cặp	Thay mới hàng chính hãng Kom	12		
	Trục cam		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Bạc cam	6210-21-1491	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	14		
	Hệ thống bôi trơn làm mát						
1	Van hằng nhiệt	600-421-6630	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	3		
	B lọc động cơ	6219-21-1200	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Keo tạo gioăng	09920-00150	Tuýp	Cấp mới phục vụ sửa chữa	2		
2	Pút xông bít đường nước đầu lọc F25	07046-44016	Cái	Thay mới	2		
3	Pút xông bít đường dầu đầu lọc F22	6210-81-9210	Cái	Thay mới	10		
	Trục cơ	6219-31-1100	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
1	Cần dơ dọc trục cơ	6215-21-8050	Bộ/xe	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		Theo bộ bạc trục
2	Bạc trục (6215-21-8000)	6215-21-8001	Bộ/xe	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
	Cụm vòi phun						
	Vòi phun	6219-11-3100	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, căn chỉnh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		12	
	Bơm nước						
1	Bơm nước	6219-61-1100	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Trục bơm nước	6219-61-1230	Cái	Thay mới	1		
-	Phốt bơm nước (chấn nước)	6166-61-1511	Cái	Thay mới	1		
-	Vòng bi bơm nước	06330-06206	Cái	Thay mới	1		
-	Vòng bi bơm nước	06340-06306	Cái	Thay mới	1		
-	Phanh chặn đầu công bi bơm nước	6162-63-1440	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng	07000-G2080	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng	07000-G2090	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng	07000-G2140	Cái	Thay mới	1		
5	Gioăng	07000-A2060	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng	07000-A2016	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng đường vào	6215-61-6531	Cái	Thay mới	1		
	Phần ống nước, các loại Puly		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Bu lông rỗng	07206-30710	Cái	Thay mới	3		
2	Ống nước mặt quy lát	6219-11-6510	Cái	Thay mới	2		
3	Ống nước mặt quy lát trái	6219-11-6530	Cái	Thay mới	1		
4	Ống nước mặt quy lát phải	6219-61-6580	Cái	Thay mới	1		
5	Dây cu doa cánh quạt	6215-61-3690	Cái	Thay mới	1		
6	Vú mỡ	07020-00000	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng	6165-61-3271	Cái	Thay mới	1		
8	Vòng bi puly căng đai (06330-6308)	06330-6308	Cái	Thay mới	2		
9	Phanh cụm pu ly căng đai	04065-09030	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
10	Phốt	07012-00065	Cái	Thay mới	1		
11	Gioăng	07000-02090	Cái	Thay mới	1		
12	Phanh	04065-09030	Cái	Thay mới	1		
13	Vòng bi	6127-61-3910	Cái	Thay mới	2		
14	Ca trong vòng bi	6127-61-3920	Cái	Thay mới	1		
15	Phốt chắn mỡ	06122-04504	Cái	Thay mới	2		
16	Vòng bi đĩa	6127-31-6261	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
17	Bạc pu ly tăng dây máy phát	6127-31-6221	Cái	Thay mới	2		
18	Trục cụm lai máy phát	6215-21-3421	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
19	Mặt bích lắp puly	6215-21-3430	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
20	Puly đầu trục cơ	6215-31-1530	Cái	Thay mới	1		
21	Puly cánh quạt	6219-61-3710	Cái	Thay mới	1		
22	Puly căng đai cánh quạt	6215-61-4750	Cái	Thay mới	1		
	Bộ gioăngng động cơ			Toàn bộ gioăng phốt lắp ghép cụm động cơ			
1	Bộ gioăng động cơ K1 6219-K1-8173/1300	6219-K1-8173	Cái	Thay mới	1		
2	Bộ gioăng động cơ K2 (6219-K2-8173/1300)	6219-K2-8173	Cái	Thay mới	1		
	Phin lọc động cơ các loại						
1	Phin lọc dầu động cơ (600-211-13441)	600-211-1340	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	4		
2	Lọc trong phin lọc thô nhiên liệu (600-311-9371)	600-311-9370	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	4		
3	Phin lọc nhiên liệu (Ko cốc lọc)	600-319-4540	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
4	Phin lọc tinh nhiên liệu	600-319-3550	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	4		
	Bơm ép Nhiên Liệu		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Cụm giảm chấn	561-01-74005		Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Trục chữ thập giảm chấn	561-01-71140	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Vòng bi đầu trục giảm chấn	06040-06219	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
3	Cao su giảm dật to	561-01-62420	Cái	Thay mới	4		
4	Cao su giảm dật nhỏ	561-01-62410	Cái	Thay mới	4		
5	Phốt	427-12-11343	Cái	Thay mới	1		
6	Phốt	427-12-11353	Cái	Thay mới	1		
7	Vú mỡ	07030-01030	Cái	Thay mới	1		
8	Phanh giảm chấn nhỏ	04065-01030	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
9	Phanh giảm chấn to	04071-00170	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
10	Đĩa lắp ổ	561-01-62161	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
11	Phanh	04064-09530	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
12	Vô giảm chấn	561-01-71153	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Hệ thống làm mát tăng áp			Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Rắc co nối ống với ê cu dài	07211-51016	Cái	Thay mới	2		
2	Ống nước vào Tăng áp về phải phụ R	6219-61-8320	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	Ống nước vào Tăng áp về Trái lái L	6219-61-8330	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
4	Bu lông rộng bắt ống nước vào	07206-31014	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	4		
5	Ống nước tăng áp về kết về trái	6219-61-8340	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
6	Ống nước tăng áp về kết về phải	6215-61-8470	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
7	Rắc co nối ống nước về với tầng áp	07212-50814	Cái	Thay mới	2		
8	Ống nước nhỏ từ hộp nối về kết trái	6219-61-8370	Cái	Thay mới	1		
9	Ống nước nhỏ từ hộp nối về kết phải	6219-61-8380	Cái	Thay mới	1		
10	Bầu xả hơi thừa	6210-21-8711	Cái	Thay mới	2		
11	Cao su cong ống xả hơi thừa	6130-61-6611	Cái	Thay mới	2		
12	Coliê cao su cong	07285-00260	Cái	Thay mới	4		
	Cụm lai máy phát	6245-21-3402		Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Ổ đỡ cụm lai máy phát	6215-21-3411	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Trục cụm lai máy phát	6215-21-3421	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
3	Phốt chắn dầu cụm lai máy phát	6215-21-3481	Cái	Thay mới	1		
4	Vòng bi trục pu lu cánh quạt	06340-06313	Cái	Thay mới	2		
5	Phốt chắn mỡ cụm pu ly cánh quạt	07012-00110	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng cao su to để phin dầu máy	07000-72105	Cái	Thay mới	4		
7	Gioăng cao su nhỏ để phin dầu máy	07000-72040	Cái	Thay mới	4		
8	Gioăng cao su	600-311-9360	Cái	Thay mới	4		
9	Gioăng phin lọc thô nhiên liệu	600-311-9390	Cái	Thay mới	4		
	Ống dầu bơm ép nhiên liệu						
1	Ống dầu bơm mỗi có đoạn cao su	6219-71-6990	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
2	Ống dầu bơm mỗi có đoạn cao su	6219-71-6980	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	Ống dầu bơm mỗi có đoạn cao su	6219-71-5980	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
4	Ống dầu bơm mỗi có đoạn cao su	6219-71-5990	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Phần điện động cơ		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Cảm biến áp suất nhiên liệu thanh common rail	ND499000-6160	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
2	Cảm biến áp suất dầu động cơ	6219-81-1961	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	Cảm biến thời điểm nổ (Trục cơ) (6261-81-2903)	6261-81-2902	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
4	Cảm biến áp suất khí trời	6261-81-2600	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
5	Van một chiều hồi dầu	ND095420-0150	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
6	Bơm điện nhiên liệu	6545-71-8110	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
7	Cảm biến tốc độ trục bơm nhiên liệu	ND949979-1300	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
8	Bộ dây điện động cơ trái	561-13-71020	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
9	Bộ dây điện động cơ phải		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Cụm lai bơm		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Mặt bích các đĂNG đầu hộp số	561-13-79861	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Hộp số		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Phốt đầu hộp số	07012-50125	Cái	Thay mới	1		
2	Phốt đuôi hộp số	07012-50130	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng ca phốt	07000-75220	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng các te đÁY hộp số	561-15-71430	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
5	Phin lọc van số	561-15-71730	Cái	Thay mới	1		
6	Cao su chân hộp số trước	515-50-11731	Cái	Thay mới	2		
7	Cao su chân hộp số sau	569-14-41130	Cái	Thay mới	2		
8	Phốt chắn bụi	772-19-14280	Cái	Thay mới	1		
	Cụm Biến mô		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Vòng bi hai nửa	561-13-71180	Vòng	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
2	KIT gioăng biến mô	561-13-05030	Kit	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	KIT gioăng van biến mô	561-13-05040	Kit	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
4	Lá đồng lookup	195-15-32710	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	3		
	Bộ lớp khớp		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Vòng bi	711-20-11550	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
2	Bạc đòn gánh	561-13-75380	Cái	Thay mới	1		
3	Mặt bích đuôi hộp số		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Giảm xóc trước		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
1	Xy lanh	561-50-82110	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Piston	561-50-81130	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
3	Ca dẫn hướng	561-50-81140	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
4	Mặt bích đỡ phốt	561-50-81150	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
5	Gioăng cao su	07000-15240	Cái	Thay mới	4		
6	Bạc dẫn hướng (bạc chì)	561-50-81340	Cái	Thay mới	2		
7	Bạc thép dẫn hướng	561-50-82331	Cái	Thay mới	4		
8	Bạc phíp dẫn hướng	561-50-81320	Cái	Thay mới	2		
9	Măng xéc	561-50-82360	Cái	Thay mới	2		
10	Phốt	561-50-82380	Cái	Thay mới	2		
11	Măng xéc phụ	707-51-21650	Cái	Thay mới	2		
12	Bi chao	561-50-62310	Vòng	Thay mới	2		
13	Phanh hãm	04071-00130	Cái	Thay mới	4		
14	Đế giảm sóc trước		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
15	Áo che bụi giảm sóc	561-50-83171	Cái	Thay mới	2		
16	Cao su lót áo che bụi	561-50-81190	Cái	Thay mới	2		
	Cụm điều tiết giảm sóc trước		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Lá thép	569-50-61370	Cái	Thay mới	2		
2	Lá thép vừa	569-50-61360	Cái	Thay mới	2		
3	Cần nhựa đệm gioăng	07001-03050	Cái	Thay mới	2		
4	Gioăng cao su	07000-12125	Cái	Thay mới	2		
5	Gioăng cao su	07000-13048	Cái	Thay mới	2		
6	Gioăng cao su	07000-13045	Cái	Thay mới	2		
	Giảm sóc sau		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
1	Xy lanh	561-50-82110	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Piston	561-50-82130	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
3	Ca đỡ phốt	561-50-82150	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
4	Ca dẫn hướng	561-50-82140	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
5	Gioăng cao su	07000-15240	Cái	Thay mới	4		
6	Bạc dẫn hướng	561-50-82331	Cái	Thay mới	2		
7	Xéc măng	561-50-82360	Cái	Thay mới	2		
8	Phốt chắn bụi	561-50-82380	Cái	Thay mới	2		
9	Măng xéc phụ	707-51-21650	Cái	Thay mới	2		
10	Bạc dẫn hướng (561-50-82341)	561-50-82340	Cái	Thay mới	2		
11	Bạc phíp dẫn hướng	568-50-12180	Cái	Thay mới	2		
12	Bi chao	561-50-82310	Cái	Thay mới	4		
13	Phanh hãm	04071-00140	Cái	Thay mới	8		
14	Áo giảm xóc	561-50-82410	Cái	Thay mới	2		
	Piston ben		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Vô ben	707-18-21020	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Bi chao	569-63-22880	Cái	Thay mới	4		
3	Phanh hãm	04071-00130	Cái	Thay mới	8		
4	Ty piston	707-61-13080	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
5	Bộ gioăng xi lanh ben	707-99-79430	Bộ	Thay mới	2		
	Van phanh		Cụm				
1	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	6		
2	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	10		
	Van điều khiển ben	56B-43-12402	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
1	Gioăng cao su	UC1300049005	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Van ben	701-37-26000	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
1	Gioăng cao su	07000-F3032	Cái	Thay mới	1		
	Gioăng cao su						
1	Gioăng cao su	07002-25234	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng cao su	07002-22434	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng cao su	07000-F2065	Cái	Thay mới	1		
5	Gioăng cao su	07000-F2070	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng cao su	07000-F3029	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng cao su	07000-F3034	Cái	Thay mới	1		
8	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	2		
9	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	2		
10	Gioăng cao su	07000-F2070	Cái	Thay mới	1		
11	Gioăng cao su	07000-F3025	Cái	Thay mới	1		
12	Gioăng cao su	07000-F3030	Cái	Thay mới	1		
13	Gioăng cao su	07002-24234	Cái	Thay mới	1		
14	Gioăng cao su	702-13-51280	Cái	Thay mới	1		
15	Gioăng cao su	07000-F2018	Cái	Thay mới	4		
16	Gioăng cao su	07002-21023	Cái	Thay mới	1		
17	Gioăng cao su	07002-21223	Cái	Thay mới	1		
18	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	1		
19	Gioăng cao su	07002-25234	Cái	Thay mới	1		
	PHẦN BOM						
1	Bơm lái - điều khiển ben - bơm lái	705-56-44090	Cụm	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
2	Bơm phanh	705-22-28320	Cụm	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
	Van Tích áp	56B-43-17300	Cụm	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
	Bốt lái						
1	Gioăng cao su	566-40-42580	Cái	Thay mới	2		
2	Gioăng vuông	566-40-42822	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng chặn	561-40-00100	KIT	Thay mới	1		
4	Gioăng chặn	561-40-00200	KIT	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
5	Gioăng cao su	561-40-63440	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng cao su	437-40-22310	Cái	Thay mới	2		
7	Gioăng cao su	418-62-11620	Cái	Thay mới	2		
8	Trục bột lái		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
9	Van 1 chiều hộp lái (561-40-83461)	561-40-83460	Cái	Thay mới	1		
10	Cao su chân hộp lái	561-40-42620	Cái	Thay mới	4		
	Bộ chân máy		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Cao su chân máy trước	569-01-81130	Cái	Thay mới	4		
2	Cao su chân máy sau	287-01-18340	Cái	Thay mới	4		
	Bộ tăng chỉnh kết		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Đệm chân kết	581-61-21520	Cái	Thay mới	2		
2	Gu đồng tăng chỉnh	582-03-13180	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
3	Sup po đệm chân kết	561-03-81712	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
	Ống nước vào kết		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Ống nối cao su (561-03-83110)	561-03-62230	Cái	Thay mới	1		
2	Ống nối cao su (561-03-83190)	561-03-82340	Cái	Thay mới	1		
3	Ống nối cao su (561-03-82421)	561-03-83120	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
4	Ống nối cao su	09483-40316	Cái	Thay mới	1		
5	Ống nối cao su	561-03-82461	Cái	Thay mới	1		
6	Ống nối cao su	09483-40407	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
7	Ổng nối cao su	561-03-82471	Cái	Thay mới	1		
8	Gioăng cao su	07000-F2100	Cái	Thay mới	1		
9	Gioăng cao su	02896-11018	Cái	Thay mới	3		
10	Gioăng cao su	07002-12434	Cái	Thay mới	2		
11	Gioăng cao su	07000-12120	Cái	Thay mới	1		
12	Ổng nối cao su (561-03-83160)	561-03-62170	Cái	Thay mới	2		
13	Ổng nối cao su	561-03-82480	Cái	Thay mới	1		
	Đường dầu ga doan		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng cao su	02896-11009	Cái	Thay mới	6		
2	Gioăng cao su	02896-11012	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	02896-11015	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng cao su	02896-11018	Cái	Thay mới	5		
5	Gioăng cao su	419-60-15270	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	12		
7	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	8		
8	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	2		
9	Gioăng cao su	207-62-64740	Cái	Thay mới	12		
10	Phin lọc về hộp số	07063-51210	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
	Gioăng cửa bơm						
1	Gioăng cao su	07000-F2130	Cái	Thay mới	3		
	Đường dầu vào hộp số		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Ổng nối cao su	07260-07425	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng cao su	07000-F2075	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	07000-F3035	Cái	Thay mới	2		
4	Gioăng cao su	07000-F3038	Cái	Thay mới	4		
5	Gioăng cao su	07000-F3038	Cái	Thay mới	4		
6	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng cao su	02896-21009	Cái	Thay mới	3		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
8	Gioăng cao su	07000-F2045	Cái	Thay mới	1		
9	Gioăng cao su	07000-F2055	Cái	Thay mới	2		
10	Gioăng cao su	07000-F2075	Cái	Thay mới	2		
11	Gioăng cao su	07000-F3042	Cái	Thay mới	2		
12	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	4		
13	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	3		
14	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	1		
15	Gioăng cao su	07000-F3032	Cái	Thay mới	1		
16	Ổng nối cao su	07260-03218	Cái	Thay mới	1		
17	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	1		
18	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	1		
19	Gioăng cao su	07000-F2115	Cái	Thay mới	1		
20	Gioăng cao su	07000-F2075	Cái	Thay mới	2		
21	Gioăng cao su	07000-F3032	Cái	Thay mới	1		
22	Gioăng cao su	07002-22434	Cái	Thay mới	2		
23	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	1		
24	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	1		
25	Ổng nối cao su	07260-03218	Cái	Thay mới	1		
26	Côliê	07289-00045	Cái	Thay mới	2		
	Khớp nối ống		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng nối ống	07332-52000	Cái	Thay mới	8		
2	Goăng khớp nối ống	07332-54000	Cái	Thay mới	2		
###	Gioăng khớp nối ống	07332-51400	Cái	Thay mới	4		
###	Gioăng khớp nối ống	07332-53000	Cái	Thay mới	3		
	Cụm pont		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng cao su	07000-15340	Cái	Thay mới	1		
2	Bộ căn nhô đuôi quả dứa (561-22-71300)	561-81-00050	Bộ	Thay mới	1		
3	Phốt	07012-50150	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
4	Mặt bích pônt	561-22-71230	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
5	Mặt bích rút trục	427-22-11240	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
6	Gioăng cao su	562-15-19970	Cái	Thay mới	1		
7	Vòng bi vi sai	561-22-61960	Vòng	Thay mới hãng chính hãng Kom	2		
8	Vô bộ vi sai	561-22-71502	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
9	Gioăng vành pông (581-22-11750)	581-22-11750	Cái	Thay mới	1		
	Cụm may ơ sau		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Moay ơ sau	561-88-72710	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Vòng bi giảm tốc	561-22-72520	Cặp	Thay mới	3		
3	Gioăng cao su	07000-12025	Cái	Thay mới	2		
4	Gioăng cao su	562-22-12920	Cái	Thay mới	2		
5	Vòng bi moay ơ sau trong	561-22-62970	Vòng	Thay mới	1		
6	Vòng bi moay ơ sau ngoài	561-22-72961	Vòng	Thay mới	1		
7	Mặt bích rút trục	561-22-72210	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
8	Mâm giảm tốc	561-22-72613	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
	Ca tỳ mặt xoa		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng cao su	07000-A5320	Cái	Thay mới	2		
2	Gioăng cao su	07000-15405	Cái	Thay mới	2		
3	Gioăng ghép moay ơ + răng lồng	566-09-31110	Cái	Thay mới	2		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Cụm khoang phanh		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
1	Gioăng cao su	07000-F2025	Cái	Thay mới	10		
2	Gioăng cao su	07002-12034	Cái	Thay mới	18		
3	Gioăng cao su	07002-11223	Cái	Thay mới	8		
4	Gioăng cao su	07002-11623	Cái	Thay mới	6		
5	Gioăng cao su	07002-11423	Cái	Thay mới	6		
6	Phốt	561-34-71540	Cái	Thay mới	2		
7	Phốt	561-34-71630	Cái	Thay mới	2		
8	Phốt	561-33-71510	Cái	Thay mới	2		
9	Phốt	561-33-71410	Cái	Thay mới	2		
10	Gioăng cao su	07000-F2030	Cái	Thay mới	2		
11	Bộ gioăng ca xoa to (428-33-00022)	428-33-00021	Bộ	Thay mới	1		
-	Gioong ca xoa to (428-33-00031M)	428-33-00031	Cái	Thay mới	2		Dùng lại ca
12	Bộ gioong ca xoa nhỏ (561-33-00110)	425-33-00111	Bộ	Thay mới hàng chính hãng Kom	1	✓	
-	Gioăng ca xoa nhỏ (428-33-00031M)	180-27-11620	Cái	Thay mới	2		Dùng lại ca
13	Phốt	568-33-11511	Cái	Thay mới	2		
14	Gioăng cao su	07000-A5495	Cái	Thay mới	2		
15	Xy lanh phanh tay	561-34-76112	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
16	Xy lanh phanh chân	561-32-75110	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
17	Piston phanh tay	561-34-71124	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
18	Piston phanh chân	561-33-71123	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
19	Gioăng cao su	195-27-31490	Cái	Thay mới	2		
20	Gioăng cao su	07000-F2025	Cái	Thay mới	6		
21	Gioăng cao su	07002-11023	Cái	Thay mới	10		
22	Gioăng cao su	561-33-71850	Cái	Thay mới	2		
23	Gioăng cao su	07002-11223	Cái	Thay mới	4		
24	Gioăng cao su	07002-12034	Cái	Thay mới	2		
25	Gioăng cao su	07000-12018	Cái	Thay mới	2		
26	Lá gôm phanh sau	561-33-71240	Cái	Thay mới	9		
27	Lá thép phanh sau	561-33-71230	Cái	Thay mới	8		
	Vỏ cầu sau						
1	Vỏ cầu sau	561-22-73114	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi về đúng kích thước nguyên bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Bạc giăng cầu + giảm sóc sau	561-52-81170	Cái	Thay mới	12		
	Bộ chia dầu sau						
1	Giá đỡ bộ chia dầu	561-88-83611	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	14		
3	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	6		
	Giăng cầu						
1	Giăng cầu dài	561-52-81310	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Giăng cầu ngắn	561-52-81120	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
3	Ăc giăng cầu	561-52-81210	Cái	Thay mới	6		
4	Chấn bụi cao su (phanh)	561-52-81150	Cái	Thay mới	8		
5	Bi chao giăng cầu	561-50-82310	Quả	Thay mới	8		
6	Phanh bi chao	07000-12090	Cái	Thay mới	16		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Cụm Moay ơ trước		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
1	Moay ơ trước		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Gioăng cao su	07000-12090	Cái	Thay mới	2		
3	Gioăng cao su	07000-15375	Cái	Thay mới	2		
4	Bi moay ơ trước trong	561-27-61940	Vòng	Thay mới	1		
5	Bi moay ơ trước ngoài	561-27-71960	Vòng	Thay mới	1		
	Phanh trước		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Piston phanh tay	561-34-72124	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Xy lanh phanh tay	561-34-76112	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
3	Gioăng cao su	07000-F2025	Cái	Thay mới	10		
4	Gioăng cao su	07000-15360	Cái	Thay mới	2		
5	Phốt	561-34-71610	Cái	Thay mới	2		
6	Phốt	561-34-71530	Cái	Thay mới	2		
7	Phốt	561-33-71430	Cái	Thay mới	2		
8	Phốt	561-33-71440	Cái	Thay mới	2		
9	Gioăng cao su	07000-F2020	Cái	Thay mới	6		
10	Phốt	568-33-11511	Cái	Thay mới	2		
11	Gioăng cao su	566-01-12690	Cái	Thay mới	2		
12	Gioăng cao su	428-22-11280	Cái	Thay mới	4		
13	Gioăng cao su	07000-12018	Cái	Thay mới	2		
	Cụm treo trước		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
1	Đề giảm xóc(càng lái)	561-40-81311	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Bạc càng lái	561-40-61330	Cái	Thay mới	8		
3	Ắc đề giảm xóc	561-40-81510	Cái	Thay mới	2		
4	Phanh bi chao	561-40-61631	Cái	Thay mới	8		
5	Ắc bóng lái	561-40-61531	Cái	Thay mới	4		
6	Càng chữ A	561-40-81121	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
7	Ắc càng chữ A	561-40-61560	Cái	Thay mới	2		
8	Ắc càng chữ A	561-40-61550	Cái	Thay mới	2		
9	Bi chao	07137-06010	Cái	Thay mới	4		
10	Bi chao (Đế)	561-40-61260	Cái	Thay mới	2		
11	Phanh hãm	04071-00210	Cái	Thay mới	2		
12	Phanh bi chao	561-40-61610	Cái	Thay mới	8		
13	Phanh đề giảm xóc F105	568-40-11331	Cái	Thay mới	2		
	Đường dầu phanh trước						
1	Gioăng cao su	02896-11012	Cái	Thay mới	4		
2	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	38		
3	Gioăng cao su	02896-21009	Cái	Thay mới	2		
4	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	8		
5	Gioăng cao su	07000-13038	Cái	Thay mới	4		
6	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	4		
7	Gioăng cao su	07002-21023	Cái	Thay mới	4		
8	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	25		
9	Gioăng cao su	07002-22034	Cái	Thay mới	4		
	Đường dầu thủy lực						
1	Phin lọc dầu số	569-16-81160	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	4		
2	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	2		
3	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	5		
5	Gioăng cao su	07000-12014	Cái	Thay mới	2		
6	Gioăng cao su	07000-12125	Cái	Thay mới	4		
7	Gioăng cao su	07000-13035	Cái	Thay mới	4		
8	Gioăng cao su	07000-F2055	Cái	Thay mới	4		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
9	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	6		
10	Gioăng cao su	07000-F2105	Cái	Thay mới	4		
11	Gioăng cao su	07000-F3045	Cái	Thay mới	4		
12	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	8		
13	Gioăng cao su	07002-13334	Cái	Thay mới	2		
14	Gioăng cao su	07002-21023	Cái	Thay mới	3		
15	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	5		
16	Gioăng cao su	07000-F3035	Cái	Thay mới	2		
17	Gioăng cao su	07000-F3038	Cái	Thay mới	2		
18	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	7		
19	Gioăng cao su	42C-16-11350	Cái	Thay mới	2		
20	Óng nối cao su	07260-28728	Cái	Thay mới	1		
21	Óng nối cao su	07260-25822	Cái	Thay mới	1		
	Đường dầu ben lái						
1	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	7		
2	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	07000-F3025	Cái	Thay mới	8		
4	Gioăng cao su	42C-16-11350	Cái	Thay mới	2		
5	Óng nối cao su	07260-28728	Cái	Thay mới	2		
6	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	2		
8	Gioăng cao su	07000-F2130	Cái	Thay mới	3		
9	Gioăng cao su	07000-F3025	Cái	Thay mới	8		
10	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	7		
11	Gioăng cao su	07002-21023	Cái	Thay mới	1		
12	Gioăng cao su	07002-21423	Cái	Thay mới	1		
13	Gioăng cao su	07000-52090	Cái	Thay mới	2		
14	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	1		
15	Gioăng cao su	07000-F2075	Cái	Thay mới	1		
16	Gioăng cao su	07000-F3025	Cái	Thay mới	8		
17	Gioăng cao su	07000-F3038	Cái	Thay mới	8		
18	Gioăng cao su	07000-F3048	Cái	Thay mới	2		
19	Gioăng cao su	20D-62-17150	Cái	Thay mới	1		
20	Óng nối cao su	07260-09932	Cái	Thay mới	1		
21	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	3		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
22	Gioăng cao su	02896-21009	Cái	Thay mới	2		
23	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	2		
24	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	6		
25	Gioăng cao su	07000-F2055	Cái	Thay mới	2		
26	Gioăng cao su	07000-F2060	Cái	Thay mới	7		
27	Gioăng cao su	07000-F2090	Cái	Thay mới	1		
28	Gioăng cao su	07000-F3035	Cái	Thay mới	2		
29	Phin lọc lưới thép bom ben lái	581-91-19120	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
	Đường dầu tích năng						
1	Gioăng cao su	02896-21009	Cái	Thay mới	8		
2	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	7		
3	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	2		
4	Ruột phin lọc	569-43-83920	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
5	Gioăng cao su	07000-12065	Cái	Thay mới	1		
6	Cần nhựa	07001-02065	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	3		
8	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	7		
9	Gioăng cao su	207-62-64740	Cái	Thay mới	3		
10	Gioăng cao su	22W-62-13420	Cái	Thay mới	2		
	Đường dầu phanh sau						
1	Gioăng cao su	02896-11015	Cái	Thay mới	2		
2	Gioăng cao su	02896-21008	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	8		
4	Gioăng cao su	02896-21015	Cái	Thay mới	12		
5	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	1		
6	Gioăng cao su	207-62-64740	Cái	Thay mới	2		
	Đường dầu ga đoạn						
1	Gioăng cao su	02896-11012	Cái	Thay mới	4		
2	Gioăng cao su	02896-11015	Cái	Thay mới	7		
3	Gioăng cao su	02896-11018	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	1		
5	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	2		
6	Gioăng cao su	02896-21018	Cái	Thay mới	1		
7	Gioăng cao su	07000-12014	Cái	Thay mới	2		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
8	Gioăng cao su	418-62-11620	Cái	Thay mới	2		
9	Gioăng cao su	437-40-22310	Cái	Thay mới	2		
	Hệ thống hút gió		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Phin lọc gió	600-185-6100	Bộ	Thay mới hàng chính hãng Kom	3		
2	Ống hút gió cong	561-02-82151	Cái	Thay mới	2		
	Boóng lái		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng cao su	07000-F3025	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng cao su	07002-21823	Cái	Thay mới	1		
3	Gioăng cao su	02896-21012	Cái	Thay mới	1		
4	Xy lanh	707-11-11E20	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
5	Ty piston	721-58-70430	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
6	Bì chao	07137-05008	Cái	Thay mới	4		
7	Phanh hãm	04065-01104	Cái	Thay mới	8		
8	Bạc dẫn hướng	707-52-10700	Cái	Thay mới	2		
9	Kit boóng lái	707-99-37590	Cái	Thay mới	2		
	Bính tích áp		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Cần nhựa	721-47-12020	Cái	Thay mới	4		
2	Phốt	721-47-12080	Cái	Thay mới	4		
3	Xéc măng	707-35-91020	Cái	Thay mới	8		
4	Gioăng cao su	07000-15090	Cái	Thay mới	8		
5	Gioăng cao su	07000-12100	Cái	Thay mới	8		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Phần gầm		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Ắc giâm xóc trước	561-40-81540	Cái	Thay mới	2		
2	Ắc giâm xóc sau	561-52-81210	Cái	Thay mới	4		
3	Ắc piston ben	561-52-61211	Cái	Thay mới	2		
4	Ắc toa	561-74-61740	Cái	Thay mới	2		
5	Căn ắc piston ben	F80	Cái	Thay mới	4		
6	Căn ắc toa	568-74-11421	Cái	Thay mới	8		
7	Căn ắc toa	568-74-12660	Cái	Thay mới	8		
8	Ắc cài toa	561-86-68141	Cái	Thay mới	2		
9	Càng chữ Y	561-40-81210	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
10	Ắc càng chữ Y	561-40-61522	Cái	Thay mới	1		
11	Căn ắc chữ Y	561-40-41140	Cái	Thay mới	1		
12	Phanh ắc chữ Y	04064-05520	Cái	Thay mới	1		
13	Bạc càng Y to	561-40-41130	Cái	Thay mới	2		
14	Bạc càng Y nhỏ	561-40-61330	Cái	Thay mới	4		
15	Ắc giằng lái	561-40-61531	Cái	Thay mới	4		
16	Giằng lái	561-40-81410	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
17	Bi chao	07137-05008	Cái	Thay mới	4		
18	Phanh hãm	04071-00110	Cái	Thay mới	8		
19	Vú bom mỡ thẳng	07020-00000	Cái	Thay mới	35		
20	Bu lông bắt ống đầu piston ben	07372-21050	Cái	Thay mới	8		
	Các đăng máy		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Trục chữ thập	561-20-71100	Bộ	Thay mới hàng chính hãng Kom	2		
2	Bu lông	562-20-31801	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	8		
3	Bu lông	01010-62085	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	8		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Các đăng gầm		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Trục chữ thập	42C-20-12621	Bộ	Thay mới	1		
2	Bu lông	42C-20-12690	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	8		
	Thùng dầu thủy lực			Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gioăng cao su	07000-F5190	Cái	Thay mới	1		
2	Gioăng cao su	07000-F2140	Cái	Thay mới	2		
3	Gioăng cao su	07002-25234	Cái	Thay mới	1		
4	Gioăng cao su	07000-F3028	Cái	Thay mới	2		
5	Phin lọc	07063-51210	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
6	Gioăng cao su	419-60-15270	Cái	Thay mới	1		
	Thùng dầu lái						
1	Thùng dầu lái (phanh)	561-43-84113	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Gioăng cao su	07000-F2140	Cái	Thay mới	1		
	Két mát + Thùng dầu ga doan						
1	Két mát nước (to)	561-03-81631	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, thông rửa, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Két mát nước (to)	561-03-81641	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, thông rửa, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
3	Két mát nước (nhỏ)	561-03-81651	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, thông rửa, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
4	Nắp đậy cò đồ nước	569-03-81510	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
5	Kết mát lái		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
6	Kết mát gió	561-03-81660	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, thông rửa, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
7	Kết mát hộp số		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
8	Ống nối kết nước cao su F60	561-03-81530	Cái	Thay mới	4		
9	Colie F60	07299-00080	Cái	Thay mới	8		
10	Cao su chân kết (đệm chân kết)	561-03-81550	Cái	Thay mới	4		
11	Gioăng kết nước	426-03-31220	Cái	Thay mới	8		
	Phản ống áp lực		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Ống áp lực 3/4 4SP L=2,3	561-61-82310	Cái	Thay mới	1		
2	Ống áp lực 3/4 4SP L=2,4	561-61-82320	Cái	Thay mới	1		
3	Ống áp lực 1/2 2SP L=2,5	02766-00423	Cái	Thay mới	1		
4	Ống áp lực 5/8 2SP L=2,7	02765-00526	Cái	Thay mới	1		
5	Ống áp lực 5/8 2SP L=2,8	02765-00528	Cái	Thay mới	1		
6	Ống áp lực 3/4 2SP L=1,2	02762-00612	Cái	Thay mới	2		
7	Ống áp lực 3/4 2SP L=1,3	561-84-81450	Cái	Thay mới	1		
8	Ống áp lực 3/4 2SP L=0,7	02762-00607	Cái	Thay mới	1		
9	Ống áp lực 3/4 2SP L=0,7	02764-00607	Cái	Thay mới	1		
10	Ống áp lực 3/4 2SP L=0,6	02765-006A5	Cái	Thay mới	1		
11	Ống áp lực 3/4 2SP L=1,6	02764-00616	Cái	Thay mới	1		
12	Ống áp lực 3/4 2SP L=2,2	02762-00619	Cái	Thay mới	2		
13	Ống áp lực 3/4 2SP L=6,5	02762-00679	Cái	Thay mới	1		
14	Ống áp lực 3/4 2SP L=8,5	02762-00689	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
15	Ổng áp lực 1/2 2SP L=1,3	02765-00412	Cái	Thay mới	4		
16	Ổng áp lực 1/2 2SP L=0,9	02764-005A9	Cái	Thay mới	4		
17	Ổng áp lực 1/2 2SP L=2	02763-00319	Cái	Thay mới	1		
18	Ổng áp lực 1/2 2SP L=0,5	02765-004A4	Cái	Thay mới	2		
19	Ổng áp lực 3/8 2SP L= 2,5	02764-00319	Cái	Thay mới	1		
20	Ổng áp lực 3/8 2SP L= 2,7	02764-00326	Cái	Thay mới	1		
21	Ổng áp lực 3/8 2SPL= 1,4	561-84-81470	Cái	Thay mới	1		
22	Ổng áp lực 3/8 2SPL= 2	02763-00421	Cái	Thay mới	1		
23	Ổng áp lực 3/8 2SPL= 2,2	02765-00323	Cái	Thay mới	1		
24	Ổng áp lực 3/8 2SPL= 1,0	02764-00308	Cái	Thay mới	1		
25	Ổng áp lực 3/4 4SP L=0,75	07088-40606	Cái	Thay mới	2		
26	Ổng áp lực 3/4 4SP L=0,7	07088-40607	Cái	Thay mới	2		
27	Ổng áp lực 1,1/4 4SP L =0,9	07089-01209	Cái	Thay mới	2		
28	Ổng áp lực 1,1/4 4SP L =0,7	07087-01207	Cái	Thay mới	2		
29	Ổng áp lực 1,1/2 4SP L =1,4	561-87-81912	Cái	Thay mới	1		
30	Ổng áp lực 1,1/2 2SP L =1,35	07297-01413	Cái	Thay mới	2		
31	Ổng áp lực 5/8 2SP L =1,3	561-43-84590	Cái	Thay mới	1		
32	Ổng áp lực 3/8 2SP L =1,1	02766-00311	Cái	Thay mới	1		
33	Ổng áp lực 3/8 2SP L =1,0	02754-00310	Cái	Thay mới	1		
34	Ổng áp lực 3/4 4SP L =2	02765-00619	Cái	Thay mới	1		
35	Ổng áp lực 1/4 2SP L =1,8	02766-00216	Cái	Thay mới	2		
36	Ổng áp lực 3/8 2SP L =1,5	02765-00315	Cái	Thay mới	1		
37	Ổng áp lực 3/8 2SP L =4,7	02765-00339	Cái	Thay mới	1		
38	Ổng áp lực 1/4 2SP L =3,5	02765-00235	Cái	Thay mới	1		
39	Ổng áp lực 1/4 2SP L =3,3	02765-00231	Cái	Thay mới	1		
40	Ổng áp lực 1/4 2SP L =1,7	561-61-82361	Cái	Thay mới	1		
41	Ổng áp lực 5/8 2SP L =0,9	02766-005A8	Cái	Thay mới	2		
42	Ổng áp lực 5/8' 2SP	L = 4,1	Cái	Thay mới	1		
43	Ổng áp lực	561-61-82340	Cái	Thay mới	1		
44	Ổng áp lực	561-61-82350	Cái	Thay mới	1		
45	Ổng xả xếp	569-02-88131	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
46	Ổng áp lực	07088-41212	Cái	Thay mới	1		
47	Ổng áp lực	07298-01221	Cái	Thay mới	1		
48	Ổng áp lực	07087-01409	Cái	Thay mới	1		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
49	Ổng áp lực	02766-00606	Cái	Thay mới	1		
50	Ổng áp lực	02763-006A6	Cái	Thay mới	1		
51	Ổng áp lực	02767-00511	Cái	Thay mới	2		
52	Ổng áp lực	02766-00508	Cái	Thay mới	3		
53	Ổng áp lực	02766-00608	Cái	Thay mới	1		
54	Ổng áp lực	561-43-83950	Cái	Thay mới	1		
55	Ổng áp lực	07297-02007	Cái	Thay mới	1		
	Phần điện		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Máy khởi động (7.5 kw)	600-813-7542	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Chổi than đề	KD1-23740-0050	Cái	Thay mới	4		
-	Vòng bi đuôi trục rô to	KD1-0456-62047	Vòng	Thay mới	1		
-	Vòng bi đầu trục rô to	KD1-0456-62007	Vòng	Thay mới	1		
2	Máy khởi động (7.5 kw)	600-813-7542	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Chổi than đề	KD1-23740-0050	Cái	Thay mới	4		
-	Vòng bi đầu trục rô to	KD1-0456-62007	Vòng	Thay mới	1		
-	Vòng bi đuôi trục rô to	KD1-0456-62047	Vòng	Thay mới	1		
3	Máy phát (90A)	600-825-9330	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Vòng bi	KD0-09201-0770	Vòng	Thay mới	1		
-	Vòng bi	KD0-09201-0760	Vòng	Thay mới	1		
4	Dây cu roa máy phát	04120-21951	Bộ	Thay mới	1		
	Hệ thống đèn, còi						
1	Đèn xin nhan trước	23B-06-42460	Cụm	Thay mới	2		
2	Đèn pha trước vàng	22T-06-24110	Cụm	Thay mới	2		
3	Đèn pha trước trắng	566-06-6A310	Cụm	Thay mới	2		
4	Đèn cos	988-297B	Cụm	Thay mới	2		
5	Đèn sườn	421-06-23310	Cụm	Thay mới	2		
6	Đèn lùi	421-06-23350	Cụm	Thay mới	2		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
7	Còi điện	561-06-80101	Bộ	Thay mới	1		
	Cảm biến các loại		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Công tắc áp suất phanh rà	418-43-37681	Cái	Thay mới	2		
2	Cảm biến nhiệt độ đầu đường làm mát phanh	7861-93-3320	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	Công tắc áp suất phanh đỗ	561-06-8A920	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
4	Cảm biến vị trí nâng hạ toa	7861-93-8710	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Mô tơ lái khẩn cấp	421-62-32700	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Hệ thống gạt mưa		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Chổi gạt mưa	569-54-83240	Cái	Thay mới	1		
2	Bình + Động cơ phun nước rửa kính	569-06-61150	Bộ	Thay mới	1		
	Hệ thống nâng hạ kính cánh cửa		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Động cơ lệnh kính bên lái	56B-54-14350	Bộ	Thay mới	1		
	Hệ thống điều hoà		Hệ Thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Dây đai điều hoà	04120-21748	Cái	Thay mới	1		
2	Phin lọc điều hoà (phin giấy)	426-07-32441	Cái	Thay mới	2		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
3	Dàn lạnh	AN51700-A0380	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
4	Giàn nóng	AN51141-10430	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
5	Quạt gió điều hoà	561-07-81201	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng VSCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
6	Ống ga điều hoà F12	L = 3400	m	Thay mới	3,4		
7	Ống ga điều hoà F10	L = 3800	m	Thay mới	3,8		
8	Ống ga điều hoà F8	L = 2400	m	Thay mới	2,4		
9	Ống ga điều hoà F8	L = 2600	m	Thay mới	2,6		
10	Rắc co ống	CK24	Cái	Thay mới	12		
11	Gioăng cao su F8÷ F12	07000-15240	Cái	Thay mới	12		
12	Công tắc áp suất phin lọc	PT6955	Cái	Thay mới	1		
13	Công tắc cảm biến độ lạnh	PT4680	Cái	Thay mới	1		
14	Phin lọc ga	20Y-979-3120	Cái	Thay mới	1		
15	Rơ le lọc	PT14021	Cái	Thay mới	1		
16	Dầu lạnh		Lít	Thay mới	0,4		
17	Ga điều hoà	R134	Kg	Thay mới	4,5		
	PHẦN TOA XE		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Gạt đá	1950x380x825	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
2	Ắc gạt đá	Φ40x90	Cái	Thay mới	2		
3	U dầm ngang đáy toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		18	
3	Nền phẳng toa		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
-	Thép tấm 1500x4800x δ16x 1 tấm	SS400	Kg	Cấp mới phục vụ sửa phục hồi nền toa	904		
4	Nền vát toa		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
5	Thành trước toa		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Thép tấm 1800x4000x δ12x 1 tấm	SS400	Kg	Cấp mới phục vụ sửa phục hồi nền toa	678		
6	Thành toa 2 bên		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
-	Thép tấm 1000x3000xδ12x2 tấm	SS400	Kg	Cấp mới phục vụ sửa phục hồi nền toa	565		
7	Gầm toa xe		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
8	Xéc măng ống xả	582-02-11210	Cái	Thay mới	1		
9	Gối toa trên toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
10	Gối piston ben trên toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
11	Đệm toa	561-74-61511	Cái	Thay mới	4		
12	Cần tôn đệm toa	250x620xδ1,5	Cái	Thay mới	30		
13	Bulon+đai ốc+đệm Φ12 bắt Chấn bụn sắt	M12 x30	Bộ	Thay mới	14		
14	Bulon+đai ốc+đệm Φ12 bắt chấn bụn cao su	M12x30	Bộ	Thay mới	20		
15	Lò so bắt khớp nối cổ xả	L=200xΦ40, dâyΦ3		Thay mới	4		
16	Chấn bụn cao su ở toa	1400x900xδ8	Tấm	Thay mới	2		
17	Nẹp chấn bụn cao su ở toa	50x1400xδ6	Cái	Thay mới	2		
18	Bệ đệm vát ở toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
-	Tấm bệ đệm vát ở toa	500x600xδ16x2 tấm	Kg	Cấp mới phục vụ sửa phục hồi bệ đệm vát ở toa	76		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
19	Tấm ốp đuôi thành toa	500x400xδ12	Hộp	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
20	Vai toa hai bên		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
21	Supo gạt đá		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
22	Quang cài ắc toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
23	Bảo hiểm dọc bình thiên		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
24	Súppo bắt chắn bùn sắt trên toa	120x1500xδ8	Cái	Thay mới	2		
	KHUNG XE		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Bạc lót gối toa trên khung	Φ150xΦ90x170	Cái	Thay mới	2		
2	Bạc càng chữ I	Φ75xΦ60x50	Cái	Thay mới	2		
3	Bạc giằng cầu trên khung	Φ105xΦ90x57	Cái	Thay mới	8		
4	Bạc càng chữ A trên khung	Φ75xΦ60x60	Cái	Thay mới	8		
5	Bạc đầu trụ lực lái (bạc gối piston lái)	Φ65xΦ50x72	Cái	Thay mới	4		
6	Bảo hiểm các đăng máy		Bộ	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
7	Gối giảm xóc trước sau		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		4	
8	Gối toa		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
9	Gối càng I		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
10	Gối giằng cầu		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		4	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
11	Gối càng A		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		4	
12	Gối piston lái		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
13	Ba đờ xóc			Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
14	Bulon bắt bảo hiểm tăng áp	M10x30	Bộ	Thay mới	8		
15	Vòng đệm phẳng	Φ10	Cái	Thay mới	8		
16	Chốt ché	Φ4	Cái	Thay mới	2		
17	Chấn bùn cao su lớp trước	1500x1200xδ8	Tám	Thay mới	2		
18	Chấn bùn sắt lớp trước	561-54-87171	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		2	
19	Supor bắt chấn bùn sắt lớp trước	U 120x200xδ8	Cái	Thay mới	4		
20	Nẹp bắt chấn bùn cao su	50x1500xd4	Cái	Thay mới	2		
21	Bulon+êcu+đệm lấp chấn bùn	M12x35	Bộ	Thay mới	48		
22	Đệm vát đỡ toa ở khung	561-74-61521	Cái	Thay mới	2		
23	Bảo hiểm gầm máy		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
24	Bulon bắt bảo hiểm gầm máy + hộp số	M18x80	Bộ	Thay mới	4		
25	Tám đệm phẳng bắt BH máy+ Hộp số	Φ50xΦ18xδ4	Cái	Thay mới	8		
26	Bulon+êcu+đệm bắt bạc lên xuống mềm	M12x30	Bộ	Thay mới	12		
27	Bạc lấp bảo hiểm gầm hộp số	Φ34xΦ20x47	Cái	Thay mới	4		
28	Bu lông bắt BH+suppo các đăng máy	M16x60	Bộ	Thay mới	16		
29	Bảo hiểm dây điện ở thùng dầu	1200x150xd2	Bộ	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
30	Bảo hiểm van đáy thùng dầu	600x600xd4	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
31	Bảo hiểm bộ dây điện ở khung	500x600xδ2	Bộ	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	PHẦN CA BIN		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Cabin	δ2 = 0,5 m2	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
2	Hộp bình điện		Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Thép tấm δ3	δ2 = 0,3 m2	Kg	<i>Cấp mới sửa chữa phục hồi</i>	25		
3	Sạp phải	561-98-81510	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
4	Sạp ca bin trái trước	561-54-81820	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
5	Mã tam giác tăng cứng lan can T+ P	100x80xδ8	Cái	Thay mới	20		
6	Chấn bùn cao su hai bên T+P		Cái	Thay mới	2		
7	Nẹp chấn bùn cao su hai bên T+P	1000x50xδ6	Cái	Thay mới	2		
8	Ghế lái	569-57-81114	Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
-	Vỏ đệm ngồi, tựa lưng, tựa đầu ghế lái		Cái	Bọc mới vỏ đệm	3		
9	Vỏ đệm ngồi, tựa lưng ghế phụ		Cái	Bọc mới vỏ đệm	2		
10	Dậu lan can phải		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
11	Dậu lan can trái		Cụm	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	Chân ca bin		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Giảm chấn ca bin	569-54-8R810	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	3		
2	Giảm chấn ca bin	561-54-8R810	Cái	Thay mới hàng chính hãng Kom	1		
3	Mặt bích giảm chấn	561-54-8H150	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		4	
	KÍNH KHÓA		Hệ thống	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa, phục hồi, thay thế các chi tiết không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật			
1	Nút nhựa cài khoá	421-56-11611	Cái	Thay mới	8		
2	Ổ khóa cửa trái	561-54-84151	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa phục hồi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
3	Gương chiếu hậu trái + phải	56B-54-17313	Cái	Thay mới	3		
4	Gioăng tấm ốp gầm ca bin (56B-54-14335)	56B-54-14335	Bộ	Thay mới	3		
5	Gương cầu		Cái	Thay mới	2		
6	Gương vuông		Cái	Thay mới	2		
7	Tấm đệm vấu khóa cửa	82x30x40	Cái	Thay mới	6		
8	Ổ khóa cửa phải	561-54-84551	Cái	Kiểm tra tình trạng Kỹ thuật, sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		1	
	Tổng hợp vật tư phụ phục vụ sửa chữa			Cấp mới phục vụ sửa chữa trung tu			
1	Ô xy		Chai	Cấp mới sửa chữa	20		
2	Khí ga		Kg	Cấp mới sửa chữa	30		
3	Que hàn NK46 Φ 3,2mm		Kg	Cấp mới sửa chữa	15		
4	Que hàn NK Φ4 mm		Kg	Cấp mới sửa chữa	20		
5	Dây hàn MAG Φ1,2		Kg	Cấp mới sửa chữa	80		
6	Chai khí Ni tơ		Chai	Cấp mới sửa chữa	2		
7	Sơn chống gỉ		Kg	Cấp mới sửa chữa	5		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
8	Khí C2H2		Kg	Cấp mới sửa chữa	5		
9	Khí CO2		Chai	Cấp mới sửa chữa	15		
10	Đá mài Φ125		Viên	Cấp mới sửa chữa	10		
11	Que hàn OK7018 Φ4		Kg	Cấp mới sửa chữa	30		
12	Mỡ chống dính hàn max	NZ400	Hộp	Cấp mới sửa chữa	2		
13	Dầu RP7	RP7	Hộp	Cấp mới sửa chữa	1		
14	Dầu pha sơn	M601	Lít	Cấp mới sửa chữa	2		
15	Keo tạo gioăng		Hộp	Cấp mới sửa chữa	5		
16	keo chống rỉ		Hộp	Cấp mới sửa chữa	5		
17	Giấy bọc bọc đầu ống		Cuộn	Cấp mới sửa chữa	2		
18	Giấy ráp mịn		Tờ	Cấp mới sửa chữa	20		
	Sơn trung tu trung tu xe			Phục vụ sơn xe sau trung tu			
1	Sơn chống gỉ khô nhanh		Kg	Cấp mới sửa chữa	12		
2	Sơn vàng CK CAT		Kg	Cấp mới sửa chữa	40		
3	Chất làm khô sơn M112		Kg	Cấp mới sửa chữa	20		
4	Sơn lót AC 888		Kg	Cấp mới sửa chữa	10		
5	Bả matít hộp		Kg	Cấp mới sửa chữa	5		
6	Dầu pha sơn (M601)		Kg	Cấp mới sửa chữa	35		
7	Dầu pha sơn chống rỉ		Kg	Cấp mới sửa chữa	2,5		
8	Sơn ghi xanh hai thành phần		Kg	Cấp mới sửa chữa	15		
9	Chất đóng rắn AC 114		Kg	Cấp mới sửa chữa	2,5		
10	Dầu pha sơn M501(hoặc M601)		Kg	Cấp mới sửa chữa	2,5		
11	Vải ráp cuộn khổ 0,1m		m	Cấp mới sửa chữa	3		
12	Giấy ráp nước Nhật KT 230x280		Tờ	Cấp mới sửa chữa	5		
13	Vải phin khổ 0,8m		m	Cấp mới sửa chữa	3		
14	Khăn bông KT 300x500 mm		Cái	Cấp mới sửa chữa	6		
15	Băng dính giấy		Cuộn	Cấp mới sửa chữa	4		
	DẦU MỠ TRUNG TU XE			Phục vụ cấp cho xe sau trung tu			
1	Trung tu động cơ:	Dầu động cơ Komatsu EO15W-40-209					
	+ Các te động cơ	"	Lít	Cấp mới	134		
	+ Đồ vào phin lọc + ống dẫn	"	Lít	Cấp mới	30		
	+ Bôi trơn các cụm khi lắp giáp	"	Lít	Cấp mới	5		

STT	Tên Chi Tiết	Số chế tạo	ĐVT	Các yêu cầu cần lưu ý	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
2	Dầu hộp số	Cuminlup TO4-30					
	-Dầu đồ hộp số và phanh sau	"					
	+ Dầu phanh sau	"	Lít	Cấp mới	167		
	+ Các te hộp số	"	Lít	Cấp mới	368		
	+ Đồ vào đường ống	"	Lít	Cấp mới	50		
	+ Bôi trơn lắp giáp	"	Lít	Cấp mới	3		
3	Dầu phanh trước	"	Lít	Cấp mới	40		
4	Dầu đồ cầu chủ động	"	Lít	Cấp mới	137		
5	Dầu đồ giảm tốc cạnh	"	Lít	Cấp mới	128		
6	Dầu giảm xóc trước	Dầu nhớt Castrol Hyspin AWS 46	Lít	Cấp mới	60		
7	Dầu giảm xóc sau	Dầu nhớt Castrol Hyspin AWS 46	Lít	Cấp mới	34		
8	Dầu đồ hệ thủy lực:	Dầu thủy lực Komatsu TO10-209	Lít	Cấp mới	300		
9	Mỡ ổ bi cánh quạt	G2-L1	Kg	Cấp mới	2		
10	Mỡ bơm	G2-L2	Kg	Cấp mới	8		
11	Nước làm mát động cơ	GLY Coolant Extra1	Lít	Cấp mới	280		
	Nhiên liệu			Cấp mới phục vụ sửa chữa trung tu			
1	Dầu ga doan chạy băng	Diezel	Lít	Cấp mới	75		
2	Dầu rửa phần gầm	Diezel	Lít	Cấp mới	60		
3	Dầu vệ sinh thùng dầu	Diezel	Lít	Cấp mới	10		
4	Dầu rửa bơm van thủy lực	Diezel	Lít	Cấp mới	10		
5	Dầu rửa khung vỏ xe	Diezel	Lít	Cấp mới	10		
6	Dầu chạy thử trong sân & bám rò rỉ	Diezel	Lít	Cấp mới	75		
7	Dầu chạy thử tải	Diezel	Lít	Cấp mới	100		
8	Dầu xe maloc phục vụ sửa chữa	Diezel	Lít	Cấp mới	10		

Ghi chú: Tất cả các chi tiết vật tư không thay mới, không phục hồi được hiểu là dùng lại.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX.

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX.

HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời cung cấp dịch vụ;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- e) Có bảo đảm tham dự gói cung cấp đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính (Nhà cung cấp dịch vụ độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Nhà cung cấp dịch vụ bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp dịch vụ có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.

- Đối với gói dịch vụ áp dụng chào hàng cạnh tranh thông thường, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của mục này nhưng nhà cung cấp dịch vụ tham dự phải nộp bản cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm (Mẫu số HS02-7) để thực hiện gói dịch vụ (nội dung về cam kết được thực hiện nộp cùng với đơn tham dự khi nộp Hồ sơ đề xuất), trong trường hợp này, nhà cung cấp dịch vụ không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân lực, thiết bị công tác.

Nhà cung cấp dịch vụ được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nếu thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

2.2.1 Nhân sự: Không yêu cầu.

2.2.2 Yêu cầu về thiết bị:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Xe tải gắn cầu/Thiết bị tương đương ≥ 10 tấn	1
2	Xe nâng	1
3	Máy khoan chuyên dụng	1
4	Máy tiện	1
5	Máy ép	1
6	Máy hàn điện	1
7	Băng thử động cơ	1
8	Kích thủy lực	1
9	Nhà xưởng	1

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp bản cam kết về việc tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung công việc, cung cấp vật tư, phụ tùng đúng quy cách đã chào và thực hiện đầy đủ các quy định về tiến độ, chế độ bảo hành nêu trong HSYC. Khi đó Bên mời cung cấp dịch vụ mới tiến hành các bước tiếp theo xét hồ sơ chào giá..

Mục 4. Xác định giá chào.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn

giá” và cột “thành tiền” Nhà cung cấp dịch vụ không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp dịch vụ đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác, Nhà cung cấp dịch vụ phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời cung cấp dịch vụ cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá Nhà cung cấp dịch vụ chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- *Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo chi tiết các khoản tiền;*

- *Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.*

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ có sai lệch.

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các Nhà cung cấp dịch vụ vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một Nhà cung cấp dịch vụ duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ này; trường hợp HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch. Khi đó Bên mời thầu phải xin ý kiến của người có thẩm quyền để giải quyết tình huống;

b) Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG CẠNH TRANH⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói dịch vụ: ____ [*Ghi tên gói dịch vụ theo thông báo mời chào hàng*]

Thuộc kế hoạch: Sửa chữa tài sản cố định năm 2025.

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời cung cấp dịch vụ*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ*] cam kết thực hiện gói dịch vụ ____ [*Ghi tên gói dịch vụ*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói dịch vụ*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói dịch vụ này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp dịch vụ lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời cung cấp dịch vụ, Nhà cung cấp dịch vụ, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời cung cấp dịch vụ.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương II - Yêu cầu đối với gói dịch vụ.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số HS02-3.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia cung cấp gói dịch vụ _ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc Kế hoạch _ [Ghi tên Kế hoạch sửa chữa] do _ [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời cung cấp dịch vụ trong quá trình tham dự Nhà cung cấp dịch vụ, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên Nhà cung cấp

p dịch vụ]. ____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà cung cấp dịch vụ, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời cung cấp dịch vụ cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp dịch vụ để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp dịch vụ hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

BẢO LÃNH THAM DỰ GÓI CUNG CẤP

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của Bên mời cung cấp dịch vụ]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH THAM DỰ GÓI CUNG CẤP số: ___ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh tham dự gói cung cấp]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói dịch vụ ___ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc Kế hoạch ___ [Ghi tên Kế hoạch].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng cạnh tranh gói dịch vụ này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp dịch vụ rút HSDX sau thời điểm đóng HSDX và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
2. Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà cung cấp dịch vụ không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp dịch vụ không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn gói dịch vụ của Bên mời cung cấp dịch vụ hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà cung cấp dịch vụ không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn gói dịch vụ: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn gói dịch vụ, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

dịch vụ từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.*
- (2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.*
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng HSDX theo quy định tại Chi dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.*

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự gói cung cấp, Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.

1- Tổng hợp giá chào.

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (đồng)
1	Nguyên vật liệu.		
2	Nhiên liệu.		
3	Động lực.		
4	Tiền lương:		
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phụ vụ, phụ trợ		
5	BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN và KPCĐ.		
6	Khấu hao tài sản.		
7	Chi phí khác.		
I	Giá trị sửa chữa (1÷7).		
II	Lợi nhuận định mức.		
III	Thuế, phí, lệ phí.		
	Tổng hợp giá chào		

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Tổng hợp giá chào trên đã bao gồm chi phí dự phòng 5% (Tổng chi phí từ mục 1 ÷ 7) và thuế, phí, lệ phí theo quy định;
- Các yếu tố chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mục 2 và Mục 3 của Phần này.
- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở các quy định hiện hành;
- Các từ viết tắt BHXH: Bảo hiểm xã hội; BHYT: Bảo hiểm y tế; BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLD-BNN: Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp; KPCĐ: Kinh phí Công đoàn.
- Mẫu Bảng tổng hợp giá chào bao gồm 3 phần: 1 - Tổng hợp giá chào, 2 - Chi phí vật tư vật liệu; 3 - Chi phí nhân công trực tiếp).

2- Chi phí vật tư vật liệu.

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	ĐVT	Danh điểm/ Quy cách	Xuất xứ/Hãng sản xuất	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					Thay mới	Phục hồi		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cụm/Hệ thống 1							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
II	Cụm/Hệ thống 2							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
...	Các chi tiết và vật liệu phụ							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
Tổng cộng I+II+...								

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ.
- Cột (7) (8) do Nhà cung cấp dịch vụ chào.

3- Chi phí nhân công trực tiếp.

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Số công	Bậc thợ	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Tiếp nhận, vệ sinh, phân loại, giám định kỹ thuật					
II	Cụm/Hệ thống số 1					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
III	Cụm/Hệ thống số 2					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp, hiệu chỉnh					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
...	Lắp ráp tổng thể, hiệu chỉnh, chạy thử					
....	Nghiệm thu, bàn giao					
	Tổng cộng I+II+III..					

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà cung cấp dịch vụ lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa của Bên mời cung cấp dịch vụ.

Mẫu số HS02-6

**BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG VÀ GIÁ CHÀO
NGOÀI KHỐI LƯỢNG MÔ TẢ CỦA HSYC**

Bảng kinh nghiệm và kết quả khảo sát hiện trường, sau khi xem xét cụ thể Thiết bị công nghệ - vật kiến trúc, Nhà cung cấp dịch vụ đề xuất và chào giá một số công việc ngoài khối lượng mô tả trong HSYC của Bên mời cung cấp dịch vụ. Giá chào này đã đầy đủ thuế phí các loại.

Phần khối lượng và giá chào này là cơ sở để các bên xem xét, thương thảo thảo Hợp đồng khi Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn nhằm mục đích hoàn thiện tốt nhất sản phẩm sau trung đại tu.

STT	Mô tả công việc đề xuất ⁽¹⁾	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật ⁽²⁾	Đơn vị tính ⁽³⁾	Khối lượng ⁽⁴⁾	Đơn giá ⁽⁵⁾	Thành tiền ⁽⁶⁾
<i>I</i>	<i>Hạng mục 1</i>					<i>A</i>
<i>II</i>	<i>Hạng mục 2</i>					<i>B</i>
<i>III</i>	<i>Hạng mục...</i>					<i>...</i>
...					
Giá chào (A + B + ...)						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Tất cả các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) do Nhà cung cấp dịch vụ tự đề xuất.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo HSYC]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch của bên mời cung cấp dịch vụ]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời cung cấp dịch vụ]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói dịch vụ _____ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ, đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định về chế độ bảo hành cũng như các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch của bên mời cung cấp dịch vụ]

- Căn cứ² ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói dịch vụ mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói dịch vụ] và thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời cung cấp dịch vụ;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời cung cấp dịch vụ và Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đại diện doanh nghiệp: [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ]: (sau đây gọi là Bên A).

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ [tên Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn] (sau đây gọi là Bên B).

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện sửa chữa cấp trung tu ô tô tự đổ khung cứng KOMATSU Model HD785-7 số 127 theo đúng nội dung trong Hồ sơ đề xuất đã được bên A phê duyệt.

Điều 2. Thành phần hợp đồng:

Thành phần của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các phụ lục nếu phát sinh).
2. Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
5. Hồ sơ yêu cầu.
6. Hồ sơ đề xuất.

Điều 3. Trách nhiệm của hai bên:

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Phòng Cơ điện - Vận tải của bên A chủ trì tổ chức giao thiết bị để bên B đưa thiết bị vào xưởng thực hiện sửa chữa. Tổ nghiệm thu kỹ thuật bên A cùng bên B tổ chức làm biên bản giải thể bước 2 theo quy định.

- Cử cán bộ, công nhân vận hành có trình độ, trách nhiệm theo dõi, giám sát trong quá trình sửa chữa thiết bị. Cùng bên B xác nhận nội dung thực hiện sửa chữa. Đồng thời giám sát, nghiệm thu các cụm chi tiết trước khi lắp đặt thiết bị.

- Trong quá trình sửa chữa các phế liệu thay ra phòng Cơ Điện – Vận tải kết hợp cùng Tổ đánh giá số lượng và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của Công ty. Đối với chất thải nguy hại, hai bên thống nhất làm biên bản giao lại cho bên B thu gom, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật, Toàn bộ chi phí thu gom, xử lý do bên B chịu trách nhiệm.

- Cùng đơn vị sử dụng theo dõi, xác nhận chất lượng thiết bị trong thời gian bảo hành.

- Tham gia cùng bên B làm các thủ tục sửa chữa thiết bị theo đúng Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cam kết nêu trong Hồ sơ đề xuất và sau quá trình sửa chữa đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Các cụm chi tiết thay mới phải đúng theo hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư và hồ sơ đề xuất của nhà thầu.

- Trong quá trình triển khai sửa chữa phải lập nhật ký trung tu thiết bị theo mẫu tại Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

- Trước khi lắp đặt các cụm chi tiết lên thiết bị phải báo bên A cử cán bộ có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình lắp đặt.

- Vật tư thay thế để phục vụ sửa chữa là hàng hóa mua trực tiếp từ chính hãng: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q): Bản gốc hoặc sao y bản chính; hoặc có cam kết của nhà cung cấp chính hãng, kèm theo chứng từ hợp lệ;

- Đối với hàng hóa không mua trực tiếp từ chính hãng: Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ: Bản gốc hoặc sao y của nhà cung cấp + 01 bản dịch tiếng Việt được công chứng do tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện.

- Trường hợp bên B không phải là nhà nhập khẩu (bên B không phải là đơn vị được cấp giấy chứng nhận xuất xứ CO, giấy chứng nhận chất lượng CQ) thì bên B phải cung cấp các hợp đồng nội từ đơn vị được cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ CO, giấy chứng nhận chất lượng CQ đến đơn vị sửa chữa đối với vật tư có đơn giá 5.000.000đ trở lên.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Bên B phải có bản cam kết về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nhà nước về nguồn gốc xuất xứ và tính hợp pháp của vật tư là hàng nhập khẩu.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hóa đơn, hợp đồng vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị của Bên A, trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để chứng minh nguồn gốc xuất xứ của vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị.

- Trong quá trình sửa chữa các phế liệu thay ra được xác định số lượng tại biên bản thu hồi và trả lại cho bên A. Đối với chất thải nguy hại hai bên thống nhất làm biên bản giao lại cho bên B thu gom, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí thu gom, xử lý do bên B chịu trách nhiệm.

- Tham gia cùng bên A làm các thủ tục sửa chữa thiết bị theo đúng quy định tại Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

- Các nội dung sửa chữa phải nằm trong nội dung thực tế giải thể kỹ thuật bước 2.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán:

4.1. Đơn giá hợp đồng: đồng (Bằng chữ:).

Giá trên là giá đã bao gồm chi phí dự phòng: đồng, thuế giá trị gia tăng, phí theo quy định hiện hành của Nhà nước, thuế giá trị gia tăng, phí theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp chính sách thuế giá trị gia tăng của nhà nước có thay đổi hai bên thống nhất điều chỉnh theo quy định.

Đơn giá chi tiết, các nội dung sửa chữa theo Biên bản thương thảo hợp đồng.

Sau khi giải thể bước 2, trường hợp phát sinh khối lượng, giá trị bên A phê duyệt khối lượng, giá trị phát sinh sau đó thống nhất với bên B, đối với khối lượng phát sinh làm ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa hai bên lập biên bản xác nhận cụ thể thời gian cần thiết để sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và làm căn cứ ký phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện, nhưng giá trị không vượt quá giá trị Hợp đồng.

Nguyên tắc sử dụng chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng được sử dụng trong trường hợp phát sinh khối lượng công việc khi giải thể bước 2 so với khối lượng công việc đã giải thể tại bước 1 và tổng chi phí phát sinh không vượt giá trị dự phòng.

4.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

4.3. Hình thức thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh Toán: Bên A thanh toán cho bên B chia thành 02 giai đoạn :

Giai đoạn 1: Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị quyết toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày bên A nhận được bộ chứng từ sau:

+ Quyết toán đã được phê duyệt.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng của bên B.

+ Biên bản nghiệm thu các cụm sửa chữa.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng sau trung tu.

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật sau trung tu.

+ Biên bản nghiệm thu chạy thử sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao thiết bị sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao SCL hoàn thành.

+ Sổ nhật ký trung đại tu thiết bị và hồ sơ quyết toán.

+ Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 5 ngày làm việc bên B cung cấp cho bên A 01 bản gốc bảo lãnh giá trị bằng 05% giá trị hợp đồng ;

-) Hình thức: Bằng bảo lãnh của Ngân hàng hoặc Chi nhánh Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo luật pháp Việt Nam;

-) Hiệu lực: Bằng thời gian bảo hành cộng thêm 30 ngày

+ Bảng kê chi tiết vật tư (02 bản)

+ Hồ sơ pháp lý của các vật tư kèm theo.

+ Biên bản xác định tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Giấy đề nghị thanh toán.

Giai đoạn 2 : Bên A thanh toán số tiền còn lại cho bên B khi có đủ các hồ sơ sau:

+ Biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành giữa 02 bên.

+ Biên bản thanh lý hợp đồng.

+ Giấy đề nghị thanh toán.

2. *Đồng tiền thanh toán*: Thanh toán bằng VNĐ (đồng Việt Nam).

Điều 5. Loại hợp đồng:

- Trọn gói.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian sửa chữa: 70 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị (Không bao gồm ngày lễ theo quy định của nhà nước và chủ nhật).

- Thời gian bàn giao thiết bị: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày bàn giao thiết bị đi trung tu.

Điều 7. Điều chỉnh, bổ sung hợp đồng:

Trong trường hợp giải thể bước 2 nếu có khối lượng thay đổi so với hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, hai bên sẽ làm biên bản điều chỉnh khối lượng và giá trị nhưng tổng giá trị sửa chữa không được vượt quá giá trị theo hồ sơ đề xuất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

8.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.

- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- Hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bằng thời gian thực hiện gói cung cấp cộng thêm 30 ngày.

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của bên B khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

8.3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B trong vòng 20 ngày kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu, bàn giao sau sửa chữa đồng thời bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

8.4. Nếu bên B không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì coi như bên B từ chối thực hiện hợp đồng và bên A có quyền hủy hợp đồng theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thưởng phạt và chấm dứt hợp đồng:

1. Bên B có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc không muộn hơn tiến độ đã cam kết và ghi trong Hợp đồng. Trường hợp chậm tiến độ mà không do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do khách quan, bên B sẽ bị phạt 1% cho 7 ngày đầu chậm tiến độ và tăng thêm 1% cho 7 ngày tiếp theo. Tối đa mức phạt chậm tiến độ không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm (trước GTGT).

2. Chấm dứt hợp đồng: Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

2.1. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng

trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng đã được Bên A gia hạn.

2.2. Bên B bị phá sản, giải thể:

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm 1 khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với đơn vị sửa chữa khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm 2 khoản 2 Điều này bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát.

Bên A thực hiện quyền Tư vấn giám sát đối với công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát Bên A có thể đưa ra chỉ dẫn cho Bên B về việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc và sửa chữa sai sót bất kỳ lúc nào. Bên B phải tuân thủ theo chỉ dẫn của Tư vấn giám sát Bên A.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị.

Bên B phải bảo đảm tất cả vật tư, máy móc thiết bị sử dụng cho công việc sửa chữa đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật. Các thiết bị phục vụ công tác sửa chữa phải bảo đảm an toàn trong vận hành.

Điều 12. Bảo hành thiết bị:

- Thời gian bảo hành: Thiết bị được bảo hành 6 tháng hoặc 2.000 giờ (Tùy theo điều kiện nào đến trước) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị sau trung tu.

- Địa điểm bảo hành: Tại khai trường bên A.

- Trong thời gian bảo hành, bên B có trách nhiệm theo dõi và sửa chữa miễn phí những sự cố hư hỏng thuộc phạm vi và nội dung bảo hành ngay sau khi nhận được thông báo của bên A.

- Thời gian sửa chữa bảo hành được xác định bằng biên bản giám định kỹ thuật giữa hai bên theo từng nội dung. Tổng thời gian sửa chữa bảo hành thiết bị không quá 05 ngày (15 ca).

- Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị gặp sự cố phải sửa chữa, phòng CV và đơn vị quản lý thiết bị bên A cùng bên B tiến hành lập biên bản sửa chữa. Kết thúc thời gian bảo hành phòng CV tổng hợp xác nhận số lần sửa chữa, chất lượng sửa chữa và thời gian bảo hành (có biên bản) gửi về phòng KH làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian bảo hành, bên B phải có nghĩa vụ phối hợp cùng bên A lập biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành. Trường hợp trong thời gian trên, bên B không phối hợp hoặc không có văn bản yêu cầu bên A lập biên bản bảo hành (kết thúc bảo hành/ thực hiện nghĩa vụ bảo hành) thì bên A có quyền từ chối thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (trừ trường hợp do lỗi của bên A).

- Bên B bị phạt do chậm thực hiện công tác bảo hành trong các trường hợp sau:

+ Quá 24 giờ mà bên B không có mặt tại bên A kể từ thời điểm bên B nhận được yêu cầu (bằng văn bản/điện thoại) bảo hành của bên A.

+ Thực hiện tổng thời gian sửa chữa bảo hành quá 05 ngày (15 ca) đối với thiết bị sau trung tu.

Giá trị phạt do chậm thực hiện việc bảo hành là 2.348.000 đồng/ca nhưng không quá 07 ngày (21 ca).

- Trường hợp chậm quá 07 ngày (21 ca) được hiểu là bên B không thực hiện công tác bảo hành thì bên A sẽ lập biên bản ghi rõ tình trạng hư hỏng, phương án sửa chữa và tổ chức tự sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác sửa chữa. Bên B phải bồi hoàn cho bên A toàn bộ chi phí này.

Điều 13. Nghiệm thu, bàn giao:

- Thiết bị sửa chữa xong, bên B thông báo bằng văn bản cho bên A trước 3 ngày làm việc để bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định hiện hành,

- Tổ nghiệm thu kỹ thuật bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định cụ thể:

+ Biên bản nghiệm thu các cụm sửa chữa.

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật sau trung tu.

+ Biên bản nghiệm thu chạy thử sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao thiết bị sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao SCL hoàn thành.

+ Hồ sơ quyết toán theo Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

+ Nhật ký trung tu thiết bị.

- Khi nghiệm thu chất lượng sửa chữa không đạt yêu cầu, hai bên thống nhất nội dung và thời gian sửa chữa để bên B tổ chức khắc phục ngay tối đa không quá 6 ngày. Nếu bên B khắc phục sửa chữa không đạt tiến độ so với hợp đồng thì bên B sẽ bị phạt tiến độ hợp đồng tại Điều 9 của hợp đồng này.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

Bên B sẽ không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng sau:

- Trong trường hợp này bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của bên bán như: thiên tai, dịch họa, chiến tranh, dịch bệnh...

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời bên B phải chuyển cho bên A toàn bộ giấy tờ xác nhận về sự kiện đó được cấp bởi một cấp có thẩm quyền hoặc phòng thương mại tại nước sở tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng đó. Trừ khi có ý kiến của bên A bằng văn bản, bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Điều 15. Bản quyền và bảo hiểm của hàng hóa

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa cung cấp cho bên A.

- Hàng hóa do bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 16. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng. Các điều khoản, yếu tố khác không thể hiện trong hợp đồng này được hai bên thống nhất như trong hồ sơ đề xuất và hồ sơ yêu cầu, biên bản thương thảo. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh, hai bên phải bàn bạc thỏa thuận bằng văn bản, không bên nào được tự ý sửa đổi bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng. Trường hợp hai bên không giải quyết được thì thống nhất chuyển đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo luật định, bên thua kiện phải thanh toán án phí và chi phí phát sinh khác.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi bên A nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định và bên B thực hiện hết các nghĩa vụ của Hợp đồng.

Hợp đồng lập thành 09 bản, bên A: 05 bản, bên B: 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Giá trị	Ghi chú
1	Chi phí vật tư, phụ tùng, nhiên liệu		
2	Chi phí tiền lương		
3	Chi phí: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		
4	Chi phí động lực		
5	Chi phí khấu hao TSCĐ		
6	Chi phí khác		
7	Lãi định mức		
8	Chi phí dự phòng (5%)		
9	Cộng giá trị trước thuế		
10	Thuế GTGT		
11	Tổng giá trị		

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ]
(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là Nhà cung cấp dịch vụ) là Nhà cung cấp dịch vụ đã được lựa chọn gói dịch vụ _____ [ghi tên gói dịch vụ] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói dịch vụ trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của _____ [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của Ngân hàng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là Nhà cung cấp dịch vụ) là Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn gói dịch vụ _____ [ghi tên gói dịch vụ] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.